DANA - Y STEEL JOINT STOCK COMPANY

HỒ NGHĨA TÍN

Digitally signed by HỒ NGHĨA TÍN
DN: c=VN, st=TP. Đà Nẵng, l=Liên Chiểu, o=CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA-Ý, ou=Ban Giám Đốc, cn=HỒ NGHĨA TÍN, 0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:200022237
Date: 2016.04.18 14:15:08 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA – Ý

Địa chỉ: Đường 11b KCN Thanh Vinh – P. Hòa Khánh Bắc – Q. Liên Chiểu – TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 3841000 – 3841966

Fax: 0511 3730718 – 3732508

Email: dny@thepdana-y.com

Website: www.thepdana-y.com

THÉP DANA-Ý

Công ty cổ phần Thép DANA - Ý

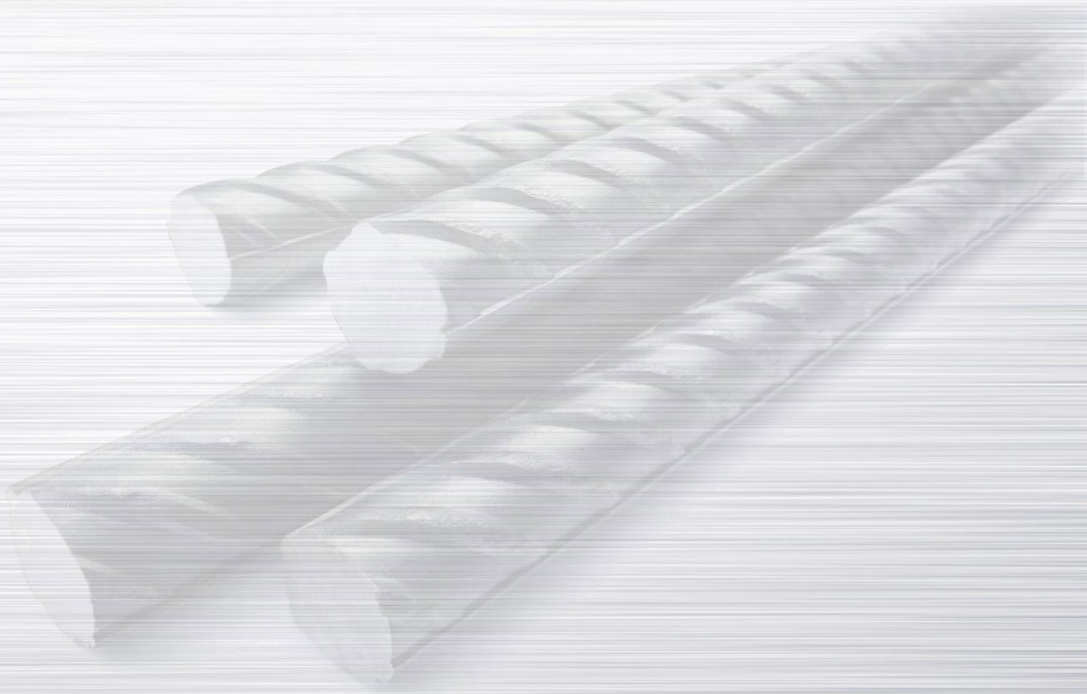

Mỗi công trình, một niềm tin.

Báo cáo thường niên

2015

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin tổng quát
- Quá trình phát triển
- Mô hình quản trị
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

13

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, nâng cấp công nghệ
- Tình hình tài chính
- Thông tin cổ đông
- Báo cáo liên quan đến môi trường, xã hội

25

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Kế hoạch năm 2016

29 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- Đánh giá tình hình hoạt động
- Đánh giá Ban giám đốc
- Kế hoạch, định hướng

33 BÁO CÁO QUẢN TRỊ
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGĐ

36 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông,

Năm 2015, thị trường thép thế giới tiếp tục trầm lắng, có nhiều biến động và chưa có dấu hiệu phục hồi, giá của các loại nguyên liệu, bán thành phẩm cho sản xuất thép trên thị trường thế giới tiếp tục chiều hướng giảm trong cả năm. Về phía thị trường trong nước, đây là năm của phòng vệ thương mại đối với ngành thép khi hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam bị khởi kiện, điều tra chống bán phá giá và Việt Nam đã khởi kiện hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam.

Về phía CTCP Thép DANA – Ý, trong tình hình thị trường sản xuất dư thừa so với nhu cầu tiêu thụ dẫn đến cạnh tranh gay gắt và nguồn lực về cơ sở vật chất kỹ thuật còn hạn chế do đang trong quá trình đầu tư; đội ngũ cán bộ quản lý đang từng bước nâng cao năng lực chuyên môn nhằm theo kịp quy mô và tốc độ phát triển của Công ty, Công ty đã không đạt kết quả như kế hoạch đề ra.

Năm 2016, với dự đoán tăng trưởng toàn ngành thép sẽ đạt 15% (thép xây dựng), 10% (phôi thép), Công ty tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường, thâm nhập sâu vào mảng dự án, các công trình lớn và quyết tâm giữ vững vị thế nhà sản xuất thép số 1 tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên. Ngoài ra, Công ty nỗ lực hoàn thành hai dự án lớn gồm đầu tư hệ thống đúc liên tục tốc độ cao – thay thế dây chuyền cán số 2 bằng các thiết bị nhập khẩu từ châu Âu; tích hợp hai dây chuyền luyện cán, tự động hóa hoàn toàn quá trình điều khiển vận hành.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cám ơn Quý cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể CBCNV đã đồng hành và hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua trong giai đoạn khó khăn hiện nay. Kính chúc Quý cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể CBCNV sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt và luôn đồng hành cùng sự phát triển của CTCP Thép DANA - Ý.

Trân trọng!

Chủ tịch HĐQT

Huỳnh Văn Tân

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý
Tên tiếng Anh	DANA – Y STEEL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	Công ty CP Thép DANA - Ý
Vốn điều lệ	269.995.170.000 đồng (Hai trăm sáu mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng)
Trụ sở chính	Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại	0511 3 841 182 – 3 841 000
Fax	0511 3 730 718
Website	www.thepdana-y.com
Giấy CNĐKKD	Số 0400605391 (số cũ là 3203001911) đăng ký lần đầu ngày ngày 27/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 07 ngày 13/03/2014.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Sản xuất các loại thép xây dựng

Kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp

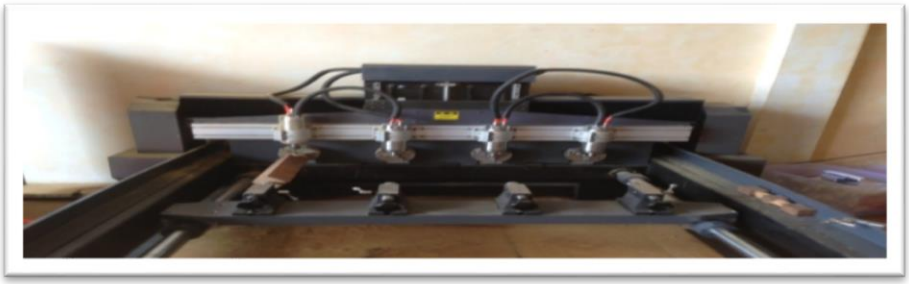

Gia công cơ khí

SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Thép thanh vằn đường kính 12-36 mm

Thép cuộn

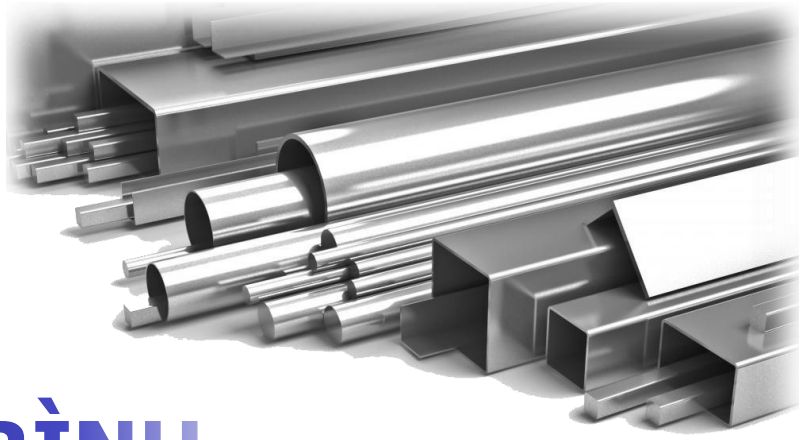

"MỖI CÔNG TRÌNH,

MỘT NIỀM TIN"

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

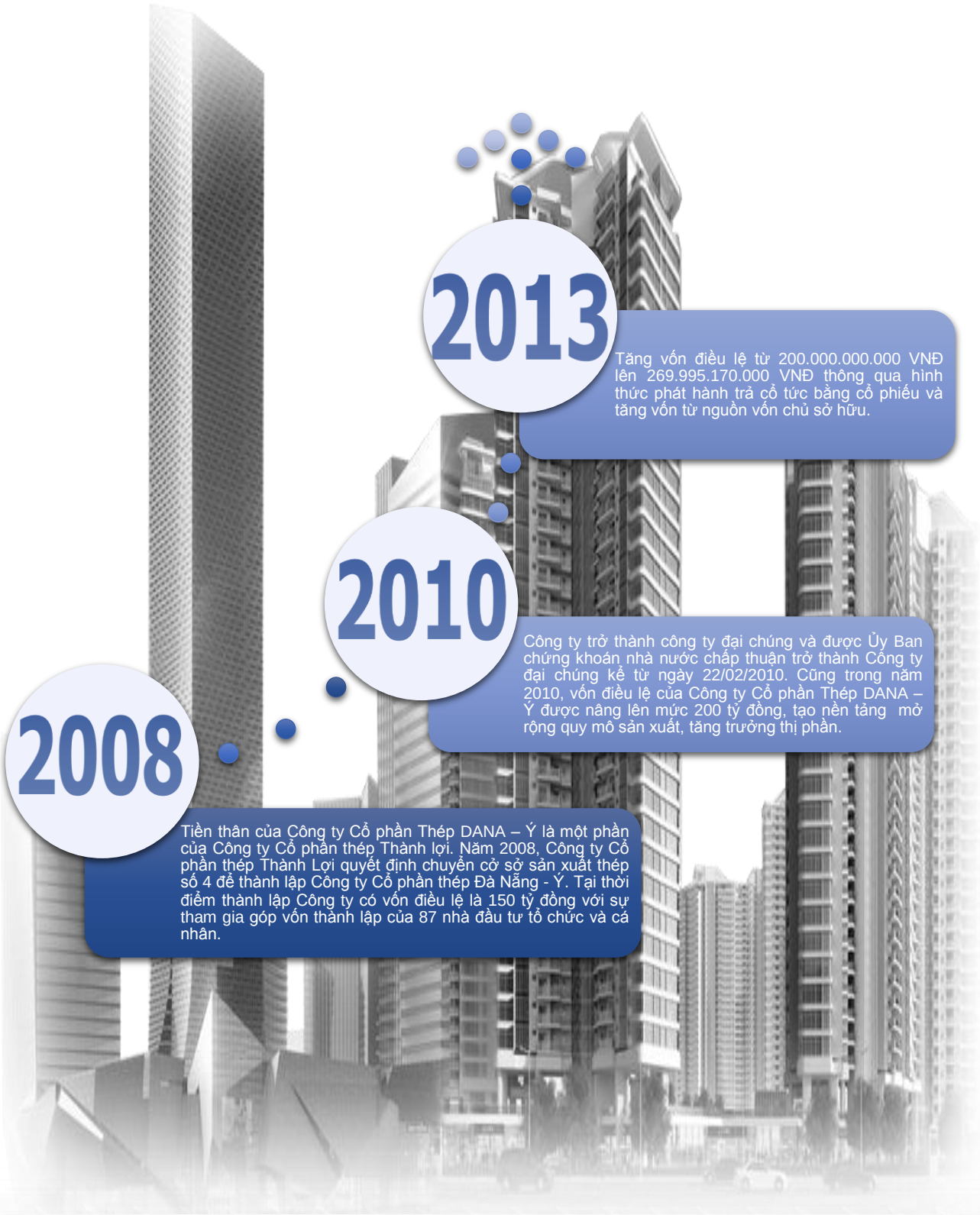

2013

Tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 VNĐ lên 269.995.170.000 VNĐ thông qua hình thức phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

2010

Công ty trở thành công ty đại chúng và được Ủy Ban chứng khoán nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng kể từ ngày 22/02/2010. Cũng trong năm 2010, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thép DANA – Ý được nâng lên mức 200 tỷ đồng, tạo nền tảng mở rộng quy mô sản xuất, tăng trưởng thị phần.

2008

Tiền thân của Công ty Cổ phần Thép DANA – Ý là một phần của Công ty Cổ phần thép Thành lợi. Năm 2008, Công ty Cổ phần thép Thành Lợi quyết định chuyển cở sở sản xuất thép số 4 để thành lập Công ty Cổ phần thép Đà Nẵng - Ý. Tại thời điểm thành lập Công ty có vốn điều lệ là 150 tỷ đồng với sự tham gia góp vốn thành lập của 87 nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

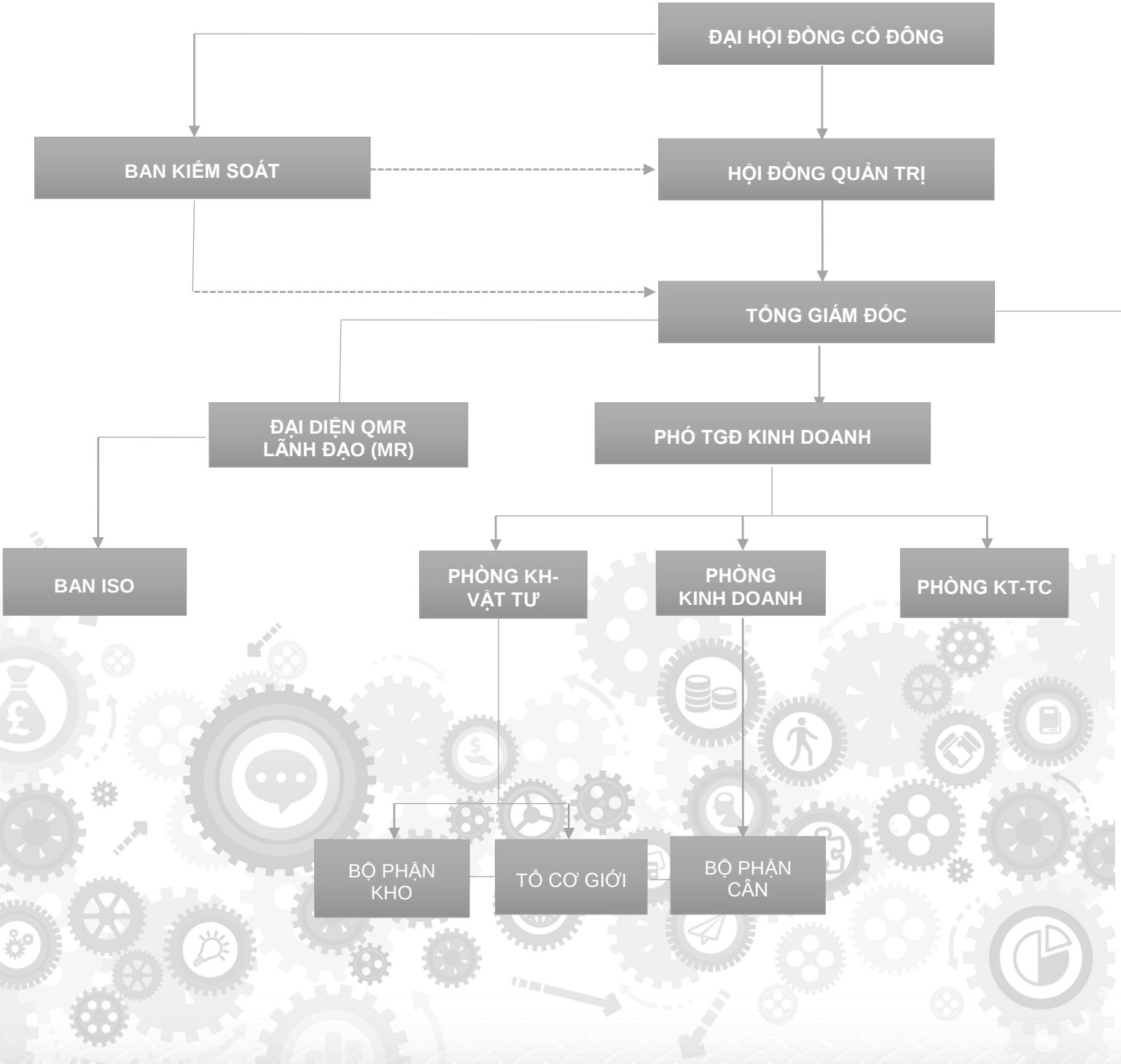
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐẠI DIỆN QMR
LÃNH ĐẠO (MR)
PHÓ TGĐ KINH DOANH
BAN ISO
PHÒNG KH-
VẬT TƯ
PHÒNG
KINH DOANH
PHÒNG KT-TC
BỘ PHẬN
KHO
TỔ CƠ GIỚI
BỘ PHẬN
CÂN

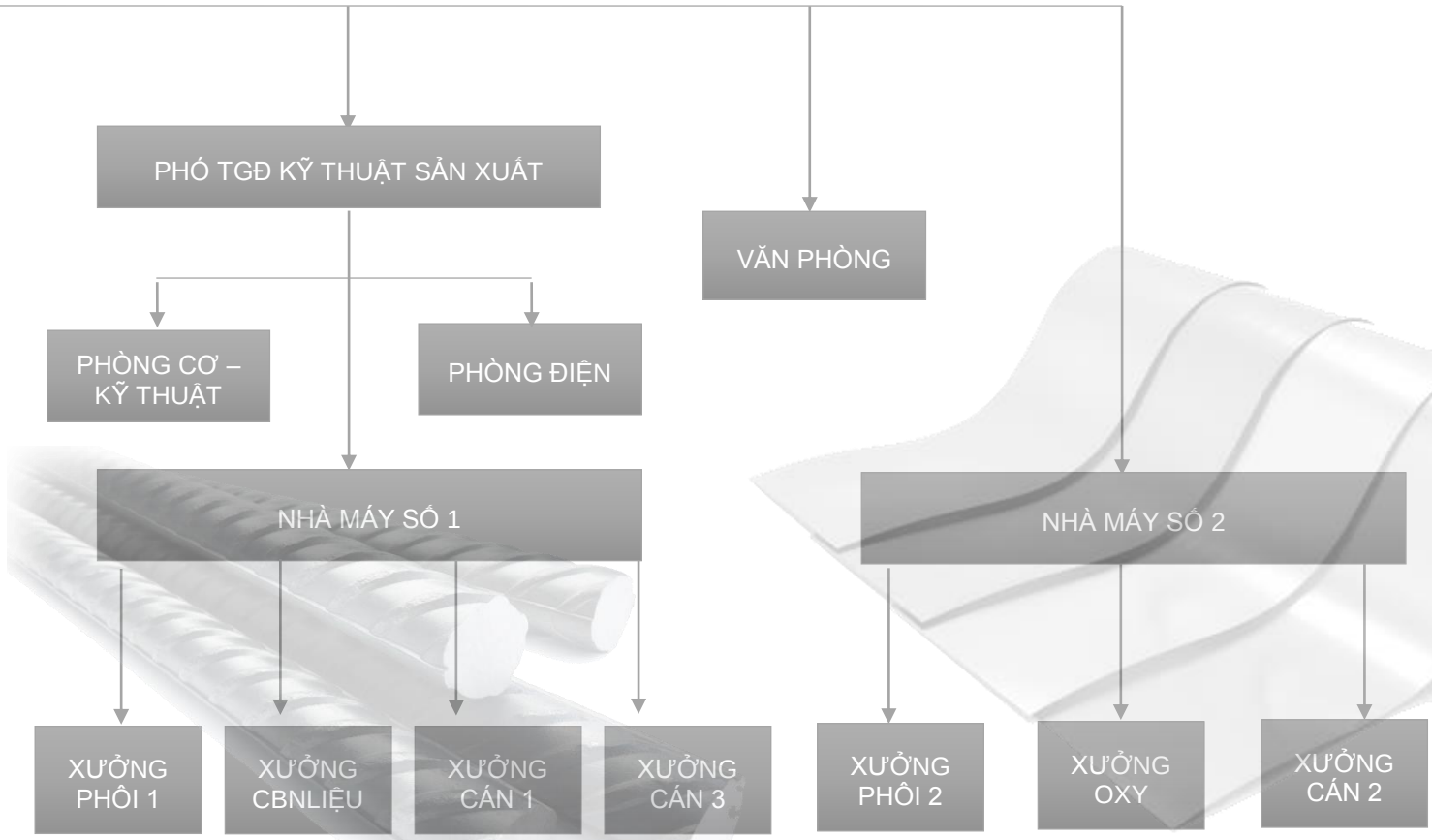
PHÓ TGĐ KỸ THUẬT SẢN XUẤT
VĂN PHÒNG
PHÒNG CƠ – KỸ THUẬT
PHÒNG ĐIỆN
NHÀ MÁY SỐ 1
NHÀ MÁY SỐ 2
XƯỞNG PHÔI 1
XƯỞNG CBNLIỆU
XƯỞNG CÁN 1
XƯỞNG CÁN 3
XƯỞNG PHÔI 2
XƯỞNG OXY
XƯỞNG CÁN 2

TẦM NHÌN

Hướng đến sự phát triển bền vững, xứng đáng là một trong những công ty thép đầu ngành sản xuất thép tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Từng bước mở rộng thị trường miền Bắc và miền Nam, tăng cường xuất khẩu nhằm đa dạng hóa thị trường, phòng ngừa rủi ro trước những biến động của nền kinh tế.

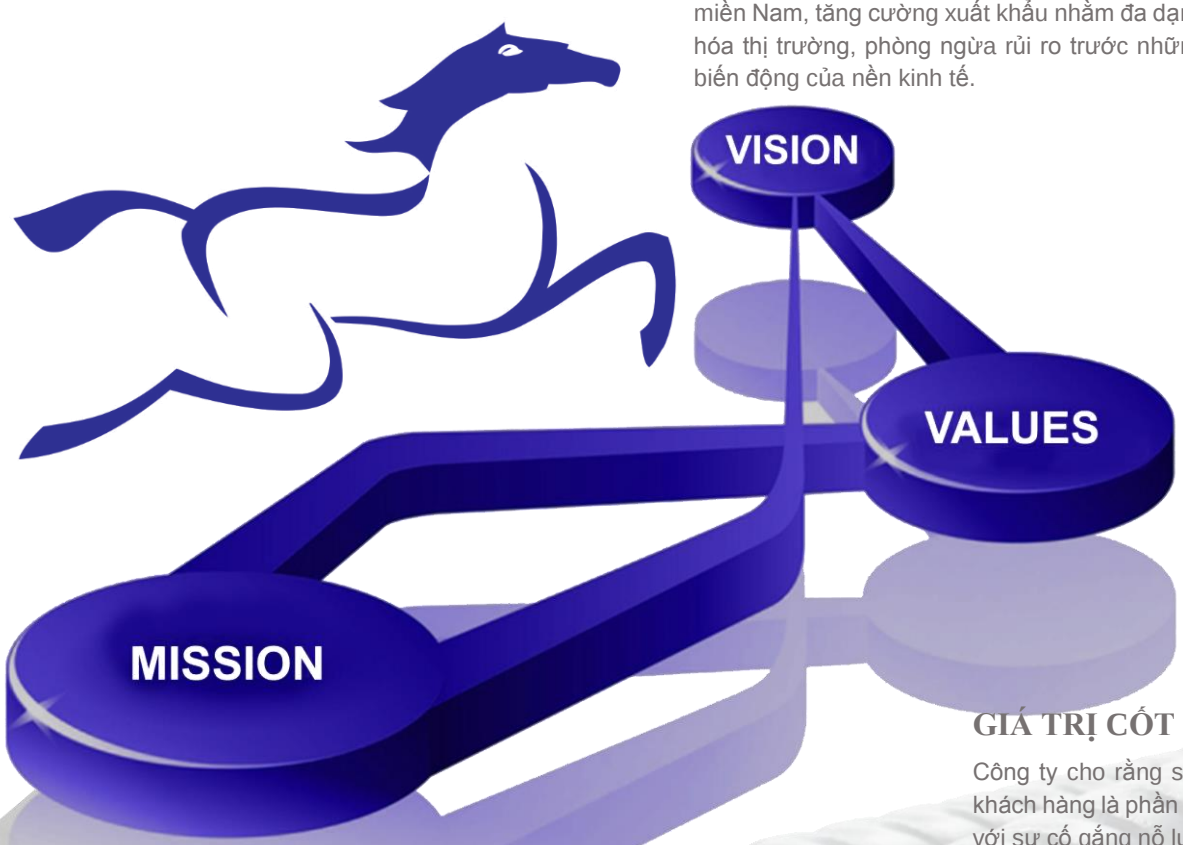

SỨ MỆNH

Cung cấp cho thị trường những sản phẩm thép Dana – Ý chất lượng cao, giá cả hợp lý, mang lại giá trị gia tăng cho đối tác. Tạo việc làm ổn định cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân địa phương. Hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Công ty cho rằng sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng là phần thưởng, là giá trị lớn nhất đối với sự cố gắng nỗ lực không ngừng của Công ty trong thời gian qua. Sản phẩm Thép DANA – Ý đã trở thành một phần không thể thiếu trong các Công trình xây dựng.

Đối với Thép DANA – Ý, mỗi công trình là một niềm tin.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2015, kinh tế trong nước có những dấu hiệu tích cực khi GDP tăng 6,68%, là mức cao nhất trong vòng 5 năm qua. Bên cạnh đó thị trường bất động sản cũng dần khởi sắc dưới tác động của hàng loạt chính sách hỗ trợ đã góp phần "hâm nóng" thị trường vật liệu xây dựng, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm thép.

Năm 2015 Việt Nam tiếp tục ký kết một số hiệp định thương mại tự do với các nước và vùng lãnh thổ như tham gia cộng đồng kinh tế Asean (AEC), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và liên minh hải quan (VCUFTA), các Hiệp định thương mại tự do giữa Asean và Hàn Quốc (AKFTA), Nhật Bản (AJFTA), giữa Việt Nam và khối EU (EVFTA) và TPP, thực hiện các hiệp định sẽ tạo cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và ngành thép nói riêng nhiều cơ hội trên sân chơi toàn cầu nhưng cũng nhiều thách thức trước nguy cơ thép nước ngoài tràn vào Việt Nam nhất là thép Trung Quốc và Nga.

Về thị trường thép, gần đây thép Nga hiện đang là một mối đe dọa tiềm tàng đối với các nhà sản xuất thép trong nước. Hầu hết các nhận định đều cho rằng, Nga đang trở thành một "Trung Quốc thứ hai" trên thị trường thép thế giới, không phải về sản lượng, mà là tầm ảnh hưởng đối với giá thép do đồng rúp mất giá mạnh trong thời gian qua.

Dưới sự cạnh tranh gay gắt này, theo dự báo, Việt Nam có nguy cơ trở thành thị trường tiêu thụ thép nhập khẩu. Cụ thể trong năm qua:

- Hơn 1,78 triệu tấn là lượng phôi thép nhập khẩu vào Việt Nam, tăng 198% so với cùng kỳ 2014.
- Hơn 1,62 triệu tấn thép cuộn và dây thép ước được nhập khẩu vào Việt Nam trong khi sản xuất thép cuộn trong nước chỉ đạt 1,13 triệu tấn.
- Gần 1,43 triệu tấn tôn mạ kim loại & sơn phủ màu được nhập khẩu, tăng 87,55% so với cùng kỳ 2014.

Những rủi ro kinh tế của ngành thép được dự báo sẽ còn rất lớn, đòi hỏi Công ty phải có chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp, đồng thời cần có thêm những cơ chế, chính sách hỗ trợ từ phía Nhà nước, quy định về quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu, cắt giảm thủ tục kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu để giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp mới có thể tạo nên một ngành thép Việt bền vững và giàu sức cạnh tranh.

RỦI RO LUẬT PHÁP

Là một doanh nghiệp đã cổ phần hóa và niêm yết, Công ty chịu tác động bởi rất nhiều bộ luật liên quan như Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế, Luật kế toán, v.v... Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và bổ sung, do đó những thay đổi nhỏ cũng có thể gây ra tác động nhất định đến Công ty. Ngoài ra, CTCP Thép DANA – Ý là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực có mức độ hội nhập cao, bên cạnh việc tuân thủ các quy định pháp luật và chính sách phát triển trong nước, Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý còn phải chú trọng cập nhật chính sách, thông lệ quốc tế để đảm bảo có thể kiểm soát được các rủi ro về luật pháp, đặc biệt là những rủi ro đến từ chính sách bảo hộ bằng thuế quan của các nước. Bên cạnh đó, ý thức được tầm quan trọng của loại rủi ro này, nhằm giữ gìn uy tín, thương hiệu và thành quả hoạt động của mình, hiện Công ty đã tổ chức được quy trình quản lý khá chặt chẽ, với sự tham vấn cẩn trọng của các luật sư và các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý chuyên nghiệp, từ đó Công ty có thể chủ động ứng phó nhanh sự thay đổi về mặt chính sách và hạn chế tối đa tổn thất do yếu tố pháp lý gây ra.

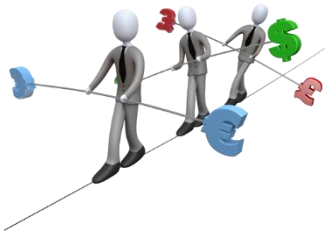

RỦI RO LÃI SUẤT

Do đặc thù kinh doanh ngành thép phải cần nhiều vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất và đầu tư máy móc thiết bị, Công ty phải sử dụng và phụ thuộc vào đòn bẩy tài chính khá nhiều. Bất kỳ sự biến động về lãi suất trên thị trường cũng gây tác động không nhỏ đến chi phí tài chính của Công ty và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Mặc dù lãi suất trong thời gian qua có xu hướng giảm thấp, nhưng với tình hình kinh doanh còn nhiều khó khăn, Công ty không chủ quan mà luôn theo dõi sát sao tình hình lãi suất, nhằm kiểm soát tối đa loại rủi ro này. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức tuân thủ tỷ lệ vay vốn ở mức an toàn, phù hợp dòng tiền kinh doanh, theo dõi thường xuyên biến động dòng tiền để đảm bảo việc trả nợ vay cho Công ty.

RỦI RO TỶ GIÁ

Là một doanh nghiệp ngành thép, nên rủi ro tỷ giá được xem là một rủi ro cơ bản khi mà tỷ lệ nhập khẩu nguyên liệu (phế thép) chiếm đến 70% nhu cầu. Do đó, một biến động nhỏ trong tỷ giá cũng gây tác động đáng kể đến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Tuy nhiên, là một doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động quản trị rủi ro tỷ giá, Công ty cổ phần Thép DANA – Ý luôn thiết lập kế hoạch nhập – xuất hợp lý, cân đối dòng tiền vào - ra hiệu quả, đảm bảo cung tiền ngoại tệ luôn phù hợp với lịch thanh toán vốn vay, sử dụng các công cụ bảo hiểm tỷ giá hiệu quả nên đã hạn chế được tối đa tác động từ biến động tỷ giá trong thời gian qua. Ngoài ra, Công ty cũng duy trì được mối quan hệ, uy tín tốt với các tổ chức tín dụng lớn, đảm bảo nguồn vốn vay ngoại tệ, phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

RỦI RO BIẾN ĐỘNG NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Nguyên vật liệu đầu vào chính của ngành thép là thép phế, than và điện, trong đó thép phế chiếm đến 90%, điện chiếm 6%, dầu FO chiếm 3%. Trong khi đó, hầu hết các Công ty Thép ở Việt Nam đều không chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào. Hơn nữa, nguyên liệu cho dây chuyền công nghệ sản xuất thép từ quặng sắt cũng chưa được đảm bảo khi mà mỏ quặng lớn nhất hiện nay là Thạch Khê (Hà Tĩnh) đang xây dựng chưa đi vào hoạt động, còn các mỏ khác đã khai thác được nhưng hầu hết chất lượng không đảm bảo.

Công ty luôn chủ động nghiên cứu, theo dõi biến động thị trường nguyên liệu, tìm kiếm các nguồn dự trữ, từng bước chủ động nguồn nguyên liệu, đồng thời tính toán lượng nguyên liệu nhập khẩu theo từng chu kỳ sản xuất, giám sát chặt chẽ hàng tồn kho, xây dựng chính sách giá cả hợp lý bên cạnh việc tiến hành các biện pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, với uy tín của Công ty trong nhiều năm, các đối tác cung ứng nguyên liệu lâu năm của Công ty luôn có chính sách bán hàng đối với Công ty rất tốt như được hưởng chính sách mua hàng thanh toán chậm từ 3 đến 6 tháng. Năm 2016, Công ty tiếp tục tận dụng lợi thế và khai thác nguồn nguyên liệu từ các đối tác này để giảm thiểu rủi ro cũng như tối đa hóa lợi thế cạnh tranh.

RỦI RO VỀ CÔNG NGHỆ

So với các nước trong khu vực, ngành thép Việt có công nghệ khá tiên tiến song đây vẫn là ngành chiếm tỷ lệ tiêu thụ năng lượng lớn và là ngành gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong các ngành công nghiệp. Bên cạnh đó, còn có một số doanh nghiệp vẫn duy trì công nghệ rất lạc hậu được xây dựng từ những năm 90 của thế kỷ trước, như sản xuất phôi từ lò trung tần với nhược điểm là không kết nối trong dây chuyền xử lý nguyên liệu. Từ đó cho sản phẩm đầu ra kém chất lượng với giá thành cao, gây ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín thương hiệu thép Việt nói chung và DANA – Ý nói riêng, trên thị trường thế giới.

Nhận thức tầm quan trọng của công nghệ kỹ thuật, trong thời gian qua Công ty luôn chú ý đầu tư chiều sâu để cải tạo các thiết bị sẵn có, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, tổ chức sắp xếp lại sản xuất để giảm tiêu hao năng lượng, đồng thời áp dụng đầu tư mới hệ thống lọc bụi, ngành thép đã giảm được lượng khí bụi thải phát tán ra môi trường trong quá trình sản xuất gang thép, giảm được lượng phát thải khí nhà kính.

Với DANA - Ý, lợi thế từ việc đầu tư dây chuyền mới với công nghệ tiên tiến, sản xuất được các loại thép chất lượng cao, có khả năng tích hợp hai công đoạn luyện thép và cán thép đã làm giảm đáng kể tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu. Chi phí sản xuất luôn thấp hơn dây chuyền sản xuất thông thường khác tối thiểu 10%.

Từ đó, giá thành và chất lượng đầu ra sản phẩm của Công ty cổ phần Thép DANA - Ý luôn cạnh tranh so với các công ty cùng ngành.

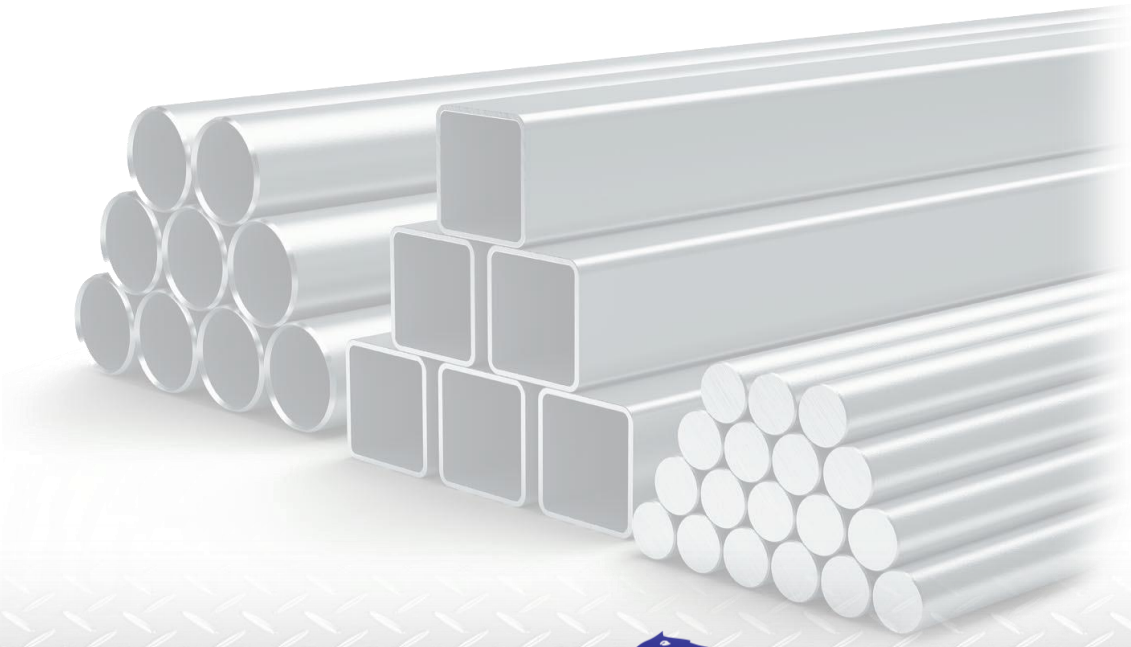

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, nâng cấp công nghệ
- Tình hình tài chính
- Thông tin cổ đông
- Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	% So với KH 2015	% So với 2014
Tổng doanh thu	1.878.406	2.425.000	1.723.949	71,09%	91,78%
Lợi nhuận sau thuế	5.554	16.000	8.269	51,68%	148,88%

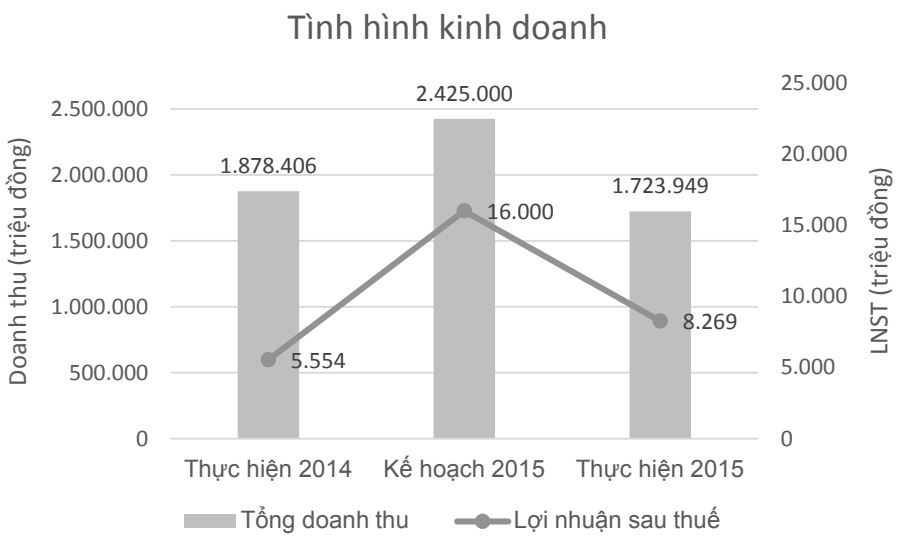

Năm 2015, mặc dù thị trường thép trong nước có khởi sắc so với năm 2014 và các năm trước đây, song ngành thép vẫn gặp nhiều khó khăn do tác động của lượng thép nhập khẩu tăng cao, thị trường thép thế giới tiếp tục trầm lắng và chưa có dấu hiệu hồi phục, giá của các loại nguyên liệu, bán thành phẩm cho sản xuất thép có chiều hướng giảm sâu liên tục ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng sản xuất trong nước. Trước tình hình đó Công ty cổ phần thép DANA-Ý vẫn duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo việc làm cho cán bộ, công nhân viên.

Nhìn chung, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 không đạt được như kỳ vọng và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như doanh thu giảm và lợi nhuận chỉ đạt 51,68% so với kế hoạch, nguyên nhân chính là do tác động của giá cả, mà cụ thể là giá nguyên vật liệu và thành phẩm bán ra sụt giảm từ 30 – 40%, do đó doanh thu thấp dù sản lượng sản xuất và tiêu thụ tăng cao.

Tuy nhiên, năm 2015 Công ty đã tranh thủ cơ hội giá thiết bị, công nghệ trên thế giới giảm thấp, tập trung đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, kiểm soát quá trình sản xuất làm nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong các năm tới.

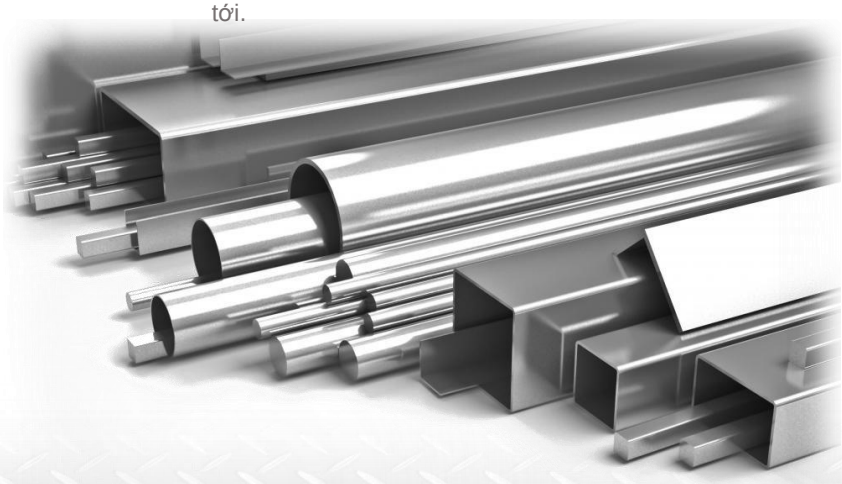

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị

Ông HUỲNH VĂN TÂN

Chức vụ: Chủ Tịch HĐQT
(kiêm Tổng Giám đốc)

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Ngành cơ khí

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: 5%

Quá trình công tác

Từ năm 2007: Chủ tịch HĐQT CTCP Thép Dana-Ý, TGĐ CTCP Thép Thành Lợi.

Từ năm 1991 đến năm 2007: Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ CTCP Thép Thành Lợi.

Ông ĐẶNG THANH BÌNH

Chức vụ: Phó Chủ Tịch HĐQT

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: 0,32%

Quá trình công tác

Từ năm 2008: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thép Dana-Ý.

Từ năm 2007: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Đà Nẵng-miền Trung.

Từ năm 2005 đến năm 2007: Chủ tịch HĐQT CTCP Sài Gòn - Đà Nẵng.

Từ năm 2000 đến năm 2006: Giám đốc Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng KCN Đà Nẵng.

Ông HỒ NGHĨA TÍN

Chức vụ: Thành viên HĐQT

(kiêm Phó Tổng Giám đốc)

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: 1,2%

Quá trình công tác

Từ năm 2007 đến năm 2008: Phó trưởng phòng Đào tạo và chuẩn bị sản xuất Ban Quản lý Dự án nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

Từ năm 1992 đến năm 2006: Quyền Trưởng phòng kỹ thuật, trưởng phòng kế hoạch vật tư, Phó Giám đốc kinh doanh kiêm phó Ban quản lý dự án đầu tư, Tổng Giám đốc Công ty Thép Đà Nẵng - Bí thư Đảng ủy Công ty thép Đà Nẵng.

Từ năm 1990 đến năm 1992: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Lâm sản Xuất khẩu Đà Nẵng

Từ năm 1982 đến năm 1989: Cán bộ giảng dạy Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Xưởng trưởng Xưởng Cơ khí trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng.

Thành viên HĐQT Công ty PORTSERCO-DN.

Bà PHAN THỊ THẢO SƯƠNG

Chức vụ: Thành viên HĐQT

(kiêm Phó Tổng Giám đốc)

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Tài chính Ngân hàng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: 16,05%

Quá trình công tác

Từ năm 2008: Phó TGĐ CTCP Thép Dana-Ý

Từ năm 2000: Công tác tại CTCP Thép Thành Lợi

Ông PHAN XUÂN THIỆN

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây Dựng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: 0,05%

Ban giám đốc

Ông HỒ NGHĨA TÍN

Chức vụ: Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc)

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: 1,2%

Quá trình công tác:

Từ năm 2007 đến năm 2008 : Phó trưởng phòng Đào tạo và chuẩn bị sản xuất Ban Quản lý Dự án nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

Từ năm 1992 đến năm 2006 : Quyền Trưởng phòng kỹ thuật, trưởng phòng kế hoạch vật tư, Phó Giám đốc kinh doanh kiêm phó Ban quản lý dự án đầu tư, Tổng Giám đốc Công ty Thép Đà Nẵng - Bí thư Đảng ủy Công ty thép Đà Nẵng.

Từ năm 1990 đến năm 1992 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Lâm sản Xuất khẩu Đà Nẵng

Từ năm 1982 đến năm 1989 : Cán bộ giảng dạy Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Xưởng trưởng Xưởng Cơ khí trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng.

Thành viên HĐQT Công ty PORTSERCO-DN.

Bà PHAN THỊ THẢO SƯƠNG

Chức vụ: Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc)

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Tài chính Ngân hàng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: 16,05%

Quá trình công tác:

Từ năm 2008: Phó TGĐ CTCP Thép Dana-Ý

Từ năm 2000: Công tác tại CTCP Thép Thành Lợi.

Ban kiểm soát

Bà HUỲNH THỊ LOAN

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: 0%

Quá trình công tác:

Từ năm 1998: Trưởng BKS CTCP Thép Dana-Ý

Từ năm 1996: Kế toán CTCP Đầu tư Thành Lợi.

Bà TRẦN MAI THỊ BÉ LIỆU

Chức vụ: Kế toán Trưởng

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: 0%

Quá trình công tác:

Từ năm 2008 : Kế toán trưởng CTCP Thép Dana-Ý

Từ năm 2005 đến năm 2007 : Kế toán trưởng CTCP DANATOL

Từ năm 2000 đến năm 2005 : Kế toán tổng hợp, Quyền Kế toán trưởng Công ty Công nghiệp tầu thủy Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

Ông NGUYỄN CHÍ KIÊN

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1952

Trình độ chuyên môn: Trung cấp công an nhân dân

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: 0%

Quá trình công tác:

Từ năm 1968 đến năm 1975: Tham gia hoạt động cách mạng

Từ năm 1975 đến năm 1986: Trung úy An ninh nhân dân (B2) Công an tỉnh QNDN

Từ năm 1986 đến năm 2004: Trưởng phòng vật tư công ty thủy sản KV2

Từ năm 2005 đến năm 2008: Giám đốc công ty thủy sản KV2, PGD thủy sản Vân Nam, kiêm bí thư chi bộ, thuộc Đảng ủy khối Doanh nghiệp

Từ năm 2009 đến nay: PTGĐ công ty CP đầu tư Thành Lợi.

Bà PHAN THỊ THU SƯƠNG

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại Ngữ - Kế toán

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: 0%

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Thành Lợi.

Ông HUỲNH DUY CƯỜNG

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Tỷ lệ cổ phiếu nắm gi: 0%

Quá trình công tác:

Từ năm 2008: Thư ký HĐQT CTCP Thép Dana-Ý, thành viên BKS CTCP Thép Dana-Ý

Từ năm 2002 đến năm 2007: Nhân viên kế toán CTCP Đầu tư Thành Lợi.

Thống kê lao động

Phân loại lao động	Năm 2015	
	Số lượng	Tỷ trọng
Theo trình độ		
Đại học và trên đại học	86	9,39%
Cao đẳng	106	11,57%
Khác	724	79,04%
Theo tính chất hợp đồng lao động		
Hợp đồng có xác định thời hạn	58	6,33%
Hợp đồng không xác định thời hạn	847	92,47%
Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	11	1,20%
Tổng cộng	**916**	**100%**

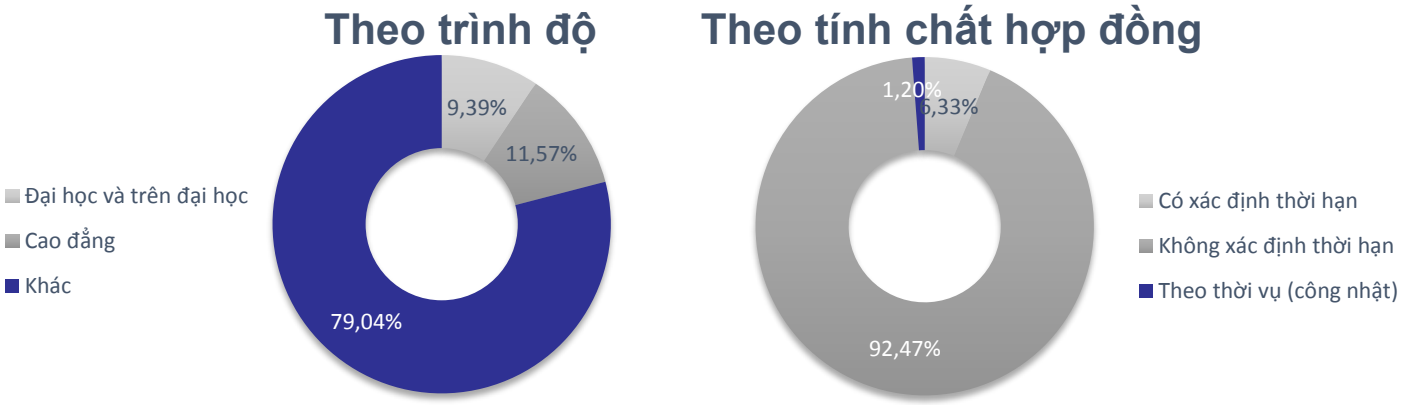

Chính sách đối với người lao động

Nhận thức nhân sự là lực lượng quan trọng hàng đầu của doanh nghiệp, CTCP Thép Dana - Ý luôn thực hiện công tác tuyển dụng công khai, rộng rãi, không phân biệt vùng miền và các mối quan hệ. Chính sách tuyển dụng luôn ưu tiên các ứng viên được đào tạo cơ bản và có kinh nghiệm làm việc trong ngành. Chính sách trả lương, thưởng của Công ty gắn liền với năng suất hiệu quả sản xuất chung và mức độ đóng góp của từng vị trí công việc. Công ty luôn khuyến khích người lao động sáng tạo, thi đua, các sáng kiến hữu ích được nhận phần thưởng xứng đáng theo quy chế chung của Công ty. Hằng năm, vào các ngày lễ lớn, tết truyền thống v.v… người lao động đều nhận được quà thưởng giá trị, các mức thưởng do HĐQT quyết định.

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật.

Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Với mức thu nhập ổn định và phù hợp, môi trường làm việc tốt cùng với các chính sách đãi ngộ khác, DANA-Ý đã và đang thu hút được nguồn nhân lực đông đảo, có trình độ cao. Các thành viên mới được huấn luyện kỹ về chuyên môn và bản sắc DANA-Ý ngay từ những ngày đầu để phù hợp với Văn hóa Công ty.

Công ty xác định để tiếp tục tồn tại và phát triển trong quá trình hội nhập, trong khi máy móc thiết bị công nghệ gần như giống nhau giữa các doanh nghiệp thì yếu tố tạo nên sự cạnh tranh sẽ là con người. Chính vì thế, Công ty luôn chú trọng đầu tư phong trào học tập cho cán bộ công nhân viên nhằm tiếp cận khoa học, công nghệ và tri thức mới.

Chính sách lương, thưởng cho người lao động

Công ty áp dụng cơ chế trả lương phù hợp với trình độ và mức độ cống hiến của từng thành viên. Công ty thực hiện chi trả cho cán bộ công nhân viên luôn ở mức cao so với các Công ty khác cùng ngành cũng như trong khu vực Thành phố Đà Nẵng, đảm bảo ổn định cuộc sống cho cán bộ công nhân viên.

Năm 2015, Công ty đã tài trợ cho công nhân bằng việc xây dựng 3 ngôi nhà "Mái ấm Công đoàn.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức cho 20% lao động xuất sắc đi tham quan dã ngoại.

Chính sách trợ cấp

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở DANA-Ý còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm sinh mạng cho người lao động được Công ty thực hiện tốt. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động rất được quan tâm.

Ngoài ra, những hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên được tổ chức tại Công ty giúp cho toàn thể cán bộ công nhân viên gắn bó với nhau hơn, góp phần tạo nên bản sắc của DANA-Ý, đồng thời nâng cao kiến thức về văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội ... nhằm xây dựng một tập thể lao động không những giỏi chuyên môn mà còn luôn quan tâm đến xã hội, cộng đồng.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, NÂNG CẤP CÔNG NGHỆ

Năm 2015, Công ty đã tranh thủ cơ hội giá thiết bị, công nghệ trên thế giới giảm thấp cũng như để đảm bảo lợi thế cạnh tranh trong điều kiện hội nhập hiện nay, Công ty quyết định đầu tư nâng cấp toàn bộ các dây chuyền sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa. Theo đó, Công ty đầu tư thêm dây chuyền Cán thép số 3 với công nghệ cán vô tận bằng thiết bị hàn phôi của DANIELI (ITALIA) và cải tạo lại dây chuyền Cán thép số 1. Giá trị đầu tư nâng cấp hơn 200 tỷ đồng, được thực hiện bằng nguồn vốn huy động của cổ đông và nguồn huy động này tạm thời chưa phải trả lãi. Với việc đầu tư này, Công ty chuyên môn hóa cho từng dây chuyền sản xuất:

Dây chuyền Cán thép 1 được cải tạo lại để áp dụng phương pháp cán nóng như dây chuyền Cán thép số 2 và tập trung sản xuất 02 loại sản phẩm P10, P12 để giảm thiểu việc thay đổi công nghệ, giảm thời gian hiệu chỉnh thiết bị;

Dây chuyền Cán thép 2 tập trung sản xuất thép thanh vằn từ P12 đến P30 bằng phương pháp Cán nóng (Cán thẳng từ Phôi nóng vừa ra lò mà không cần phải qua khâu làm nguội rồi nung lại);

Nghiên cứu thành công quy trình sản xuất các loại sản phẩm mới CB 400 với các kích thước từ D10-D32 đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả đúc cán liên tục tại dây chuyền số 2.

Dây chuyền Cán thép 3 sản xuất thép tròn trơn P6, P8 bằng công nghệ cán vô tận (Phôi nóng được hàn trực tiếp trên máy Cán, trong suốt quá trình cán thép chỉ cắt bỏ phần đầu, đuôi của cây phôi đầu tiên và cây phôi cuối cùng) – Đây là dây chuyền sản xuất công nghệ mới đầu tiên của Việt Nam.

Đến nay, công tác đầu tư, cải tạo 2 dây chuyền Cán thép đã hoàn thành và đưa vào khai thác.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
I	**Khả năng thanh toán**			
1	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,19	0,19
2	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,03	1,01
II	**Cơ cấu vốn**			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	82,95	85,55
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	486,46	591,84
III	**Vòng quay hoạt động**			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,07	1,59
2	Vòng quay tài sản	Vòng	0,90	0,75
IV	**Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)**			
1	TSLN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,27	0,36
2	TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,30	0,48
3	TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,51	2,30

Khả năng thanh toán

Các hệ số khả năng thanh toán của Công ty hầu như không thay đổi trong năm 2015. Cụ thể khả năng thanh toán hiện hành của Công ty giảm nhẹ từ 1,03 xuống còn 1,01. Tuy nhiên, hệ số này vẫn lớn hơn 1 nên khả năng thanh toán của Công ty vẫn luôn được đảm bảo. Ngoài ra, tình hình sản xuất kinh doanh của ngành thép vẫn còn nhiều khó khăn, tồn kho cao làm hệ số thanh toán nhanh của Công ty chỉ ở mức 0,19 và hầu như không có thay đổi đáng kể qua các năm.

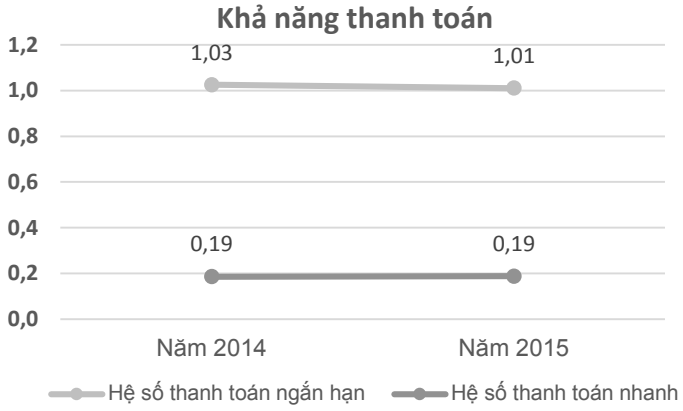

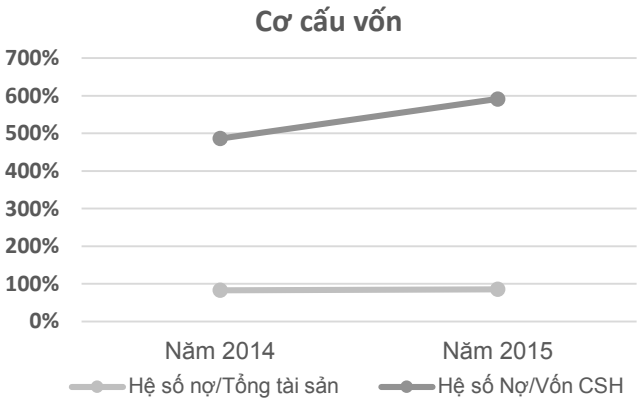

Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản; nợ/vốn chủ sở hữu năm 2015 tăng so với năm 2014 và đang duy trì lần lượt ở mức 85,55% và 591,84%. Nguyên nhân là do nợ phải trả tăng 349,71 tỷ đồng, tương ứng tăng 19,83% so với năm 2014. Trong đó tăng chủ yếu la do khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng 333,46 tỷ đồng, tương ứng tăng 113,05%.

Năng lực hoạt động

Vòng quay vốn lưu động và vòng quay tài sản năm 2015 giảm nhẹ so với năm 2014. Cụ thể năm 2015, vòng quay hàng tồn kho ở mức 1,59 vòng và vòng quay tài sản là 0,75 vòng. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu giảm trong khi hàng tồn kho và tổng tài sản tăng cao.

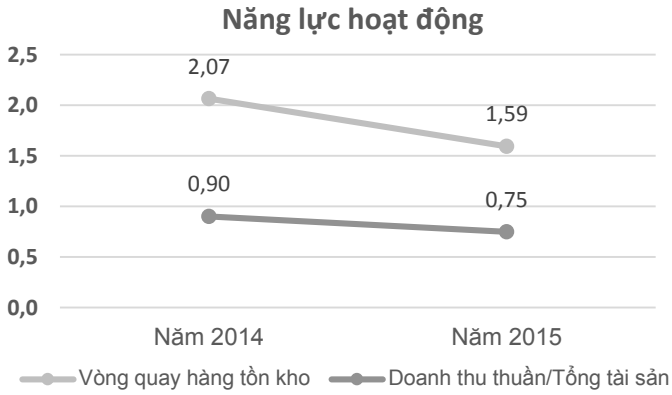

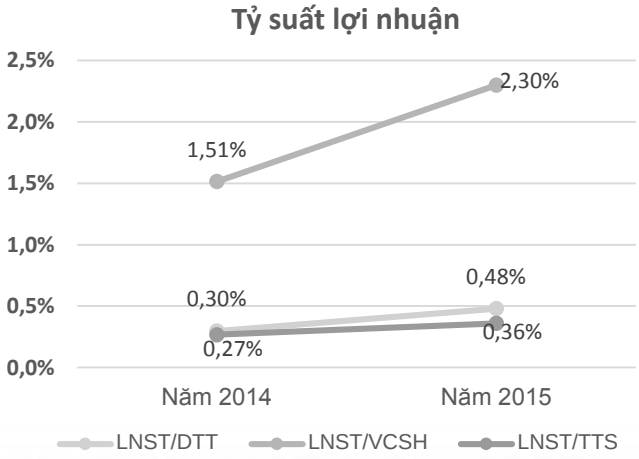

Tỷ suất lợi nhuận

Tỷ suất lợi nhuận năm 2015 đã được cải thiện đáng kể so với năm 2014. Trong đó, ROA tăng từ 0,27% lên 0,36%, ROE từ 1,51% lên 2,3%. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ 0,3% lên 0,48%. Đây là những dấu hiệu tích cực trong hoạt động năm 2015.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Tổng số cổ phần phát hành: 26.999.517 cổ phần

Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	26.954.179	99,832
1	Cá nhân	16.084.771	59,674
2	Tổ chức	10.869.408	40,258
II	Cổ đông nước ngoài	45.338	0,168
1	Cá nhân	3.647	0,014
2	Tổ chức	41.691	0,154
Tổng cộng		**26.999.517**	**100,00%**

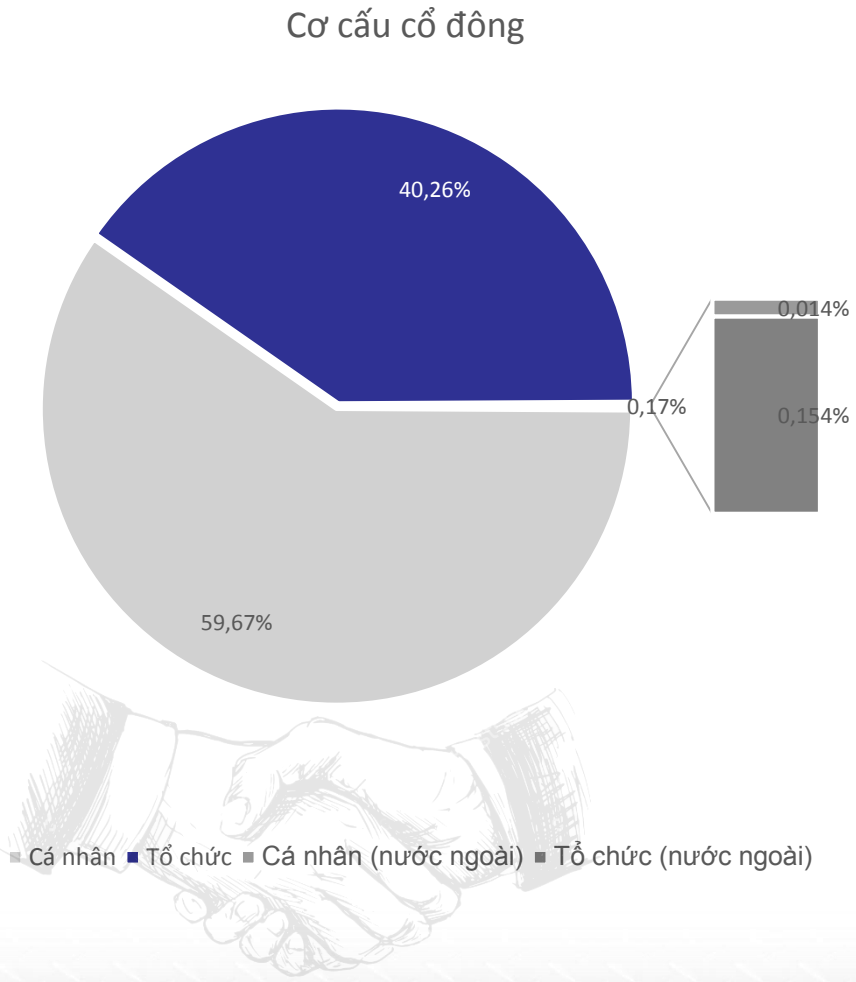

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất: thép phế liệu;
- Nguyên liệu đóng gói, đóng bó: thép cuộn D6.

Số lượng phôi Khung được sử dụng để sản xuất phôi thép là 33.387 tấn chiếm 13,43%.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luân tuân thủ và thực hiện đúng mọi quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, do đó Công ty chưa từng bị phạt vì các vấn đề vi phạm đối với môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn chú trọng đến đời sống cũng như hoàn cảnh của người lao động trong Công ty, qua đó thực hiện các chính sách hỗ trợ, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động có thể yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với Công ty.

Trong năm 2015, với quỹ chính sách phúc lợi, Công ty đã tài trợ xây dựng 3 ngôi nhà "Mái ấm Công đoàn" cho công nhân.

Ngoài ra, định kỳ Công ty còn tổ chức cho 20% lao động xuất sắc đi tham quan dã ngoại.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức nghĩa vụ cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Trong năm 2015, Công ty thực hiện các hoạt động:

- Tặng quà tết cho hộ khó khăn tại xã Hòa Liên và đội cứu hộ trên các bãi biển với số tiền trên 50.000.000 đồng.
- Ủng hộ xây dựng và sữa chửa nhà cho gia đình chính sách năm 2015 do Đảng ủy các KCN phát động với số tiền là 50.000.000 đồng.
- Trao thưởng cho tất cả các em học sinh giỏi và học sinh vượt khó tại thôn Vân Dương 1 và thôn Vân Dương 2 xã Hòa Liên với số tiền là 21.000.000 đồng.
- Công ty tài trợ trong 3 năm từ năm 2014-2016 để thực hiện Chương trình "Viết tiếp ước mơ" nhằm tặng sổ tiết tiệm trị giá 20.000.000 đồng/em cho các em học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mồ côi cha mẹ nỗ lực vươn lên trong học tập. Chương trình này thực hiện mỗi tháng 01 chương trình.
- Tài trợ cuộc thi trình diễn pháo hoa Quốc tế năm 2015 với chủ đề "Đà Nẵng bản giao hưởng sắc màu" với số tiền là 1.000.000.000 đồng.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Kế hoạch 2016

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Sản xuất phôi thép	Tấn	89.474	128.436	250.693	201.718	243.023
2	Tiêu thụ phôi thép	Tấn	35.227	69.414	150.045	89.129	62.050
3	Sản xuất Thép XD	Tấn	44.288	49.225	85.702	95.557	173.817
4	Tiêu thụ Thép XD	Tấn	39.787	51.411	78.812	74.508	144.068
5	Doanh thu	Tỷ đồng	1.043	1.235	2.523	1.878	1.724
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	51,78	10,2	14,45	5,5	8,3
7	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	137,64	165,46	340,30	261,46	271,00
9	Thu nhập bình quân	Nghìn đồng/người	3.000	4.000	4.500	4.500	5.700

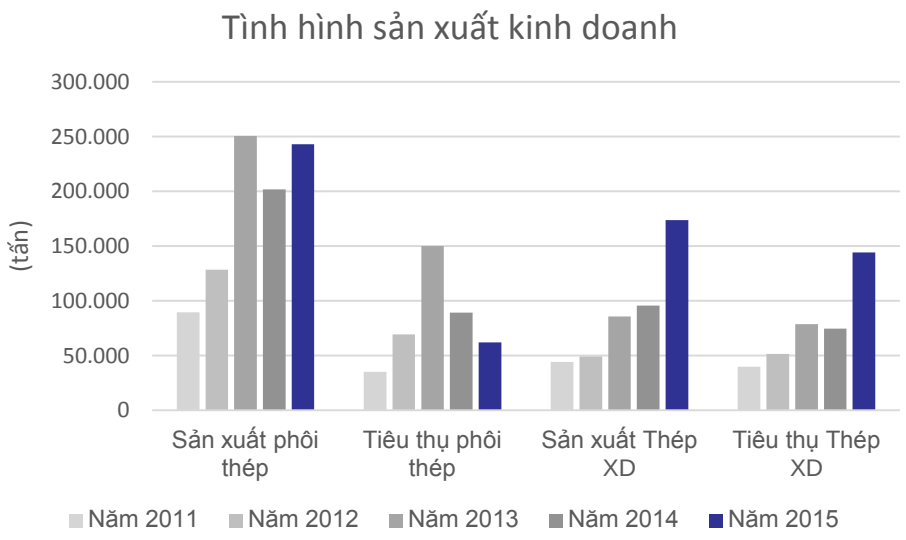

Trong năm 2015, DANA-Ý chủ trương tiếp tục điều hành an toàn và chủ động khai thác hiệu quả dây chuyền sản xuất hiện có. Mặc dù thị trường vẫn còn nhiều khó khăn biến động, nhưng Công ty vẫn duy trì hoạt động liên tục, phục vụ tốt nhu cầu thị trường và được khách hàng đánh giá cao.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 không đạt được như kỳ vọng tại nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, doanh thu suy giảm, lợi nhuận không đạt mục tiêu. Nguyên nhân chính là do tác động của giá cả, giá nguyên vật liệu và thành phẩm bán ra sụt giảm từ 30 – 40% dẫn đến doanh thu thấp cho dù sản lượng tăng cao.

Công tác kỹ thuật

Xây dựng được mạng lưới quản lý bảo dưỡng thiết bị vững mạnh, đảm bảo cho sản xuất liên tục hiệu quả;

Nghiên cứu áp dụng thành công phương án đúc cán liên tục trên dây chuyền cán 200.000 tấn/năm;

Làm chủ được dây chuyền công nghệ sản xuất phôi và cán thép, sản xuất đạt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đề ra tiêu hao nguyên liệu vật tư thấp, giá thành hạ so với giá thành bình quân trong ngành.

Công tác kế toán

Thực hiện tốt chế độ kế toán tài chính, quản lý chặt chẽ tài sản công ty, không để xảy ra các sai sót trong công tác kế toán thống kê, quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng, chủ động linh hoạt trong công tác tài chính đảm bảo nguồn vốn đầy đủ cho sản xuất và dự trữ.

Tiêu thụ

Phát triển mạng lưới phân phối rộng khắp khu vực miền trung đặc biệt tập trung khai thác các thị trường mới Bắc miền Trung;

Phối hợp tốt với Công ty SSE tiêu thụ sản phẩm thúc UC do Công ty sản xuất;

Tăng cường công tác tuyền truyền quảng cáo sản phẩm bằng nhiều hình thức, đưa hình ảnh của Công ty đến với công chúng cả nước.

Công tác cung ứng vật tư, xây dựng cơ bản

Đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, xây dựng được hệ thống các nhà cung cấp tín nhiệm trong và ngoài nước. Tích cực hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho đầu tư phát triển.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Tài sản ngắn hạn	**1.082.776**	**1.422.054**
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.798	24.523
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	2.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	167.832	204.461
Hàng tồn kho	886.750	1.157.951
Tài sản ngắn hạn khác	12.396	33.118
Tài sản dài hạn	**1.043.206**	**1.048.175**
Tài sản cố định	819.604	718.200
Tài sản dở dang dài hạn	216.025	325.438
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.600	1.600
Tài sản dài hạn khác	5.976	2.937
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**2.125.982**	**2.470.229**
Nợ phải trả	**1.763.471**	**2.113.177**
Nợ ngắn hạn	1.055.899	1.407.339
Nợ dài hạn	707.572	705.838
Nguồn vốn chủ sở hữu	**362.510**	**357.052**
Vốn chủ sở hữu	362.510	357.052
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**2.125.982**	**2.470.229**

Cơ cấu nợ

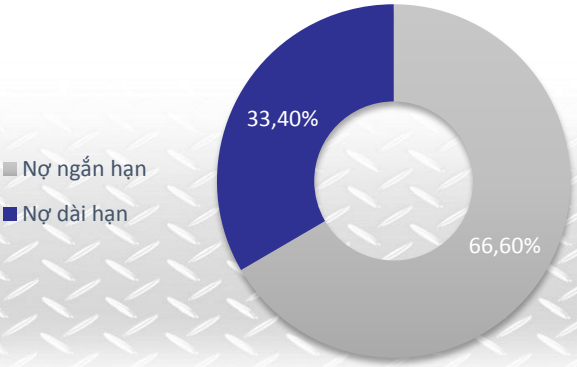

Cơ cấu tài sản

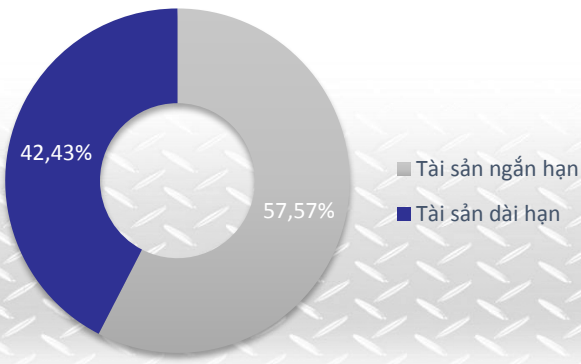

KẾ HOẠCH 2016

Đơn vị: triệu đồng

TT	Hạng mục	Năm 2016
1	Tổng doanh thu	2.408.675
2	Tổng chi phí	2.331.952
2.1	Giá vốn	2.221.952
2.2	Chi phí bán hàng (bao gồm trợ giá vận chuyển)	25.000
2.3	Chi phí QLDN	25.000
2.4	Chi phí lãi vay vốn lưu động và lãi vay đầu tư	60.000
3	Tổng Lợi nhuận trước thuế	76.723
4	Thuế TNDN (Thuế suất 22%)	16.879
5	Tổng Lợi nhuận sau thuế	59.844

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá về tình hình hoạt động
- Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	Tăng/Giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	1.878.406	1.723.949	-8%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.870.971	1.723.774	-8%
Giá vốn hàng bán	2.393.932	1.629.656	-32%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	108.942	94.117	-14%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.522	6.486	43%
Lợi nhuận khác	2.612	4.168	60%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.134	10.654	49%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.554	8.269	49%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	206	306	49%

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch			Thực hiện		% thực hiện so với kế hoạch	
		ĐVT	năm 2014	năm 2015	năm 2014	năm 2015	năm 2014	năm 2015
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.893	2.425	1.878	1.724	64,92	71,09
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	18	16	6	8	30,56	53,01
3	Sản lượng phôi thỏi	tấn	300.000	275.000	201.718	243.023	67,23	88,37
4	Sản lượng cán	tấn	160.000	180.000	95.558	173.817	59,72	96,57

Doanh thu năm 2015 đạt 71,09% và lợi nhuận sau thuế đạt 53,01% so với kế hoạch đã đề ra.

Các chỉ tiêu cơ bản so với năm 2014 đều tiến triển theo chiều hướng tích cực, nhưng hầu hết chưa thực hiện được theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Nguyên nhân chủ yếu là do năm 2015 sắt giá rẻ nhập khẩu từ thị trường nước ngoài, nhất là hàng Trung Quốc và hàng tồn kho của sản lượng thép cả nước năm 2014 tăng cao, nhu cầu thép sụt giảm nên doanh thu và các chỉ tiêu khác của Công ty không đạt theo Nghị quyết đã được thông qua. Đây là tình hình chung của các doanh nghiệp thép trong cả nước. Trong tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn khi mà nguồn cung trong nước đang gấp đôi nhu cầu, các công ty thép khác hầu hết không tăng trưởng doanh thu, Công ty đạt được kết quả khiêm tốn như trên là sự nỗ lực đáng ghi nhận.

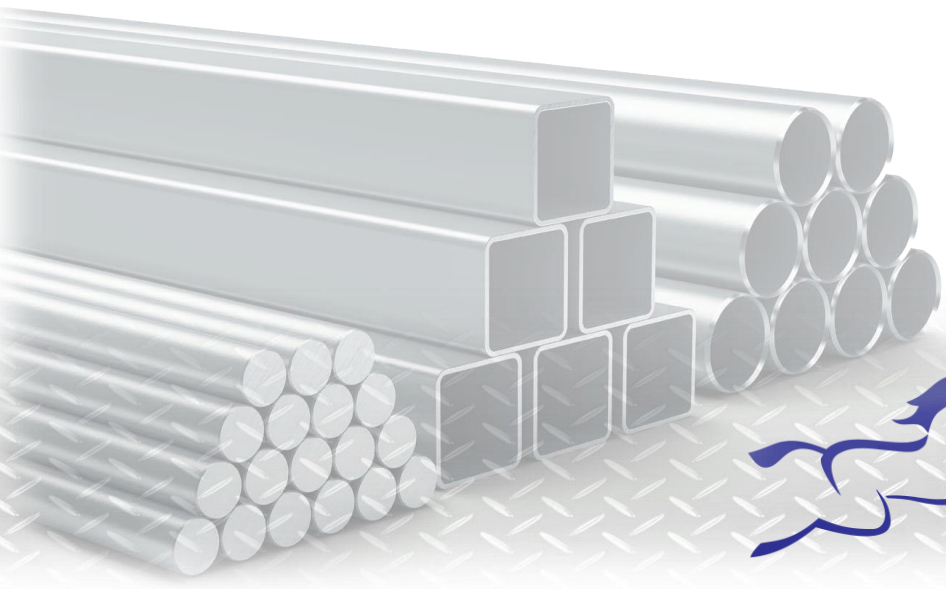

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, cụ thể là:

- Ban Tổng Giám đốc đã đẩy mạnh bán hàng để tăng hiệu quả việc sử dụng vốn, tăng cường các giải pháp nhằm phát triển Công ty ổn định bền vững;
- Các Quyết định của Ban TGĐ đều được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền và kịp thời;
- Chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015;
- Các chế độ, quyền lợi người lao động được thực hiện theo Bộ Luật lao động, Điều lệ Công ty. Việc chi trả lương hàng tháng kịp thời đầy đủ. Thực hiện ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật lao động như mua BHXH, BHYT và trợ cấp thất nghiệp đầy đủ cho người lao động;
- Các Hợp đồng kinh tế quan trọng của Công ty trong năm 2015 đều được giao kết trên cơ sở hợp pháp, đảm bảo quyền lợi của Công ty và các cổ đông.;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phát huy tối đa năng lực hiện có, sản xuất với năng suất và chất lượng cao nhất, tạo doanh thu đột biến, tối đa hóa lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích cổ đông, nâng cao thu nhập và đời sống người lao động trong công ty. Đồng thời, duy trì mục tiêu chiến lược: Hướng tới sự phát triển bền vững, xứng đáng là một trong những công ty đi đầu ngành sản xuất thép.

Với mục tiêu trên, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

- **Sản lượng sản xuất:**
- Phôi thép: 300.000 tấn/năm;
- Thép xây dựng: 250.000 tấn/năm;
- **Sản lượng tiêu thụ:**
- Phôi thép: 35.000 tấn/năm;
- Thép xây dựng: 250.000 tấn/năm;
- **Tổng Doanh thu**: 2.400 tỷ đồng;
- **Lợi nhuận trước thuế:** 76,7 tỷ đồng.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HDQT, BKS và BGĐ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty hoạt động theo đúng Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và Luật Doanh nghiệp. Năm 2015, Hội đồng Quản trị đã hoàn thành tốt các chức năng nhiệm vụ được giao phó, tạo điều kiện thuận lợi giúp Ban Giám đốc điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các chỉ tiêu do Đại Hội đồng cổ đông đề ra.

Hoạt động của thành viên độc lập không điều hành: Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành thực hiện theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng của mình, và theo sự phân công trong Hội đồng Quản trị.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	04	100%	
2	Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT	01	25%	Đi công tác
3	Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên HĐQT	04	100%	
4	Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT	04	100%	
5	Ông Phan Xuân Thiện	Thành viên HĐQT	04	100%	

Các nghị quyết quyết định ban hành trong năm 2015

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	315/2015/NQHDQT	26/04/2015	Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015

BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2015 Ban kiểm soát đã tổ chức các phiên họp: nhằm mục đích phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn của mình và tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định đã được cụ thể hóa tại Quy chế quản trị công ty, qua đó các thành viên Ban kiểm soát phát huy hết khả năng và trách nhiệm của mình và thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được giao.

Tiến hành kiểm tra giám soát các mặt hoạt động của Công ty năm 2015 như sau:

- Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết số 676/2014/NQHĐQT ngày 27/4/2014 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 (thường niên lần thứ VII); Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và Các Quy chế nội bộ Công ty;
- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (TGĐ) trong công tác quản lý, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Tham gia tổ chức kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc, chính xác và đúng thủ tục theo Luật định;
- Xem xét tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2015;
- Thực hiện thẩm định báo cáo báo cáo tài chính và tình hình thực hiện kế hoạch SXKD từng quý, năm 2015;
- Chủ động kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng tháng, quý và năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, xem xét các báo cáo của Kiểm toán độc lập cho giai đoạn 6 tháng đầu năm và năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán, xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị của Kiểm toán độc lập;
- Xem xét báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và báo cáo của Tổng Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS

STT	Họ tên	Chức vụ	Mức thù lao 2015 (đồng)
Hội đồng quản trị			
1	Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	130.000.000
2	Đặng Thanh Bình	Phó chủ tịch HĐQT	39.000.000
3	Hồ Nghĩa Tín	Thành viên HĐQT	39.000.000
4	Phan thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT	39.000.000
5	Phan Xuân Thiện	Thành viên HĐQT	39.000.000
Ban kiểm soát			
1	Huỳnh Thị Loan	Trưởng ban	39.000.000
2	Huỳnh Duy Cường	Thành viên	13.000.000
3	Phạm Thị Thu Sương	Thành viên	13.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

HỒ NGHĨA TÍN

Digitally signed by HỒ NGHĨA TÍN
DN: c=VN, st=TP. Đà Nẵng, l=Liên Chiểu, o=CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA-Ý, ou=Ban Giám Đốc, cn=HỒ NGHĨA TÍN, 0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:200022237
Date: 2016.03.29 16:45:47 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP DANA - Ý

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Optimized using
trial version
www.balesio.com

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc 1 - 3

Báo cáo kiểm toán độc lập 4

Báo cáo tài chính

- Bảng cân đối kế toán 5 - 6
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 7
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 8
- Thuyết minh Báo cáo tài chính 9 - 34

Optimized using
trial version
www.balesio.com

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép DANA – Ý công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Thép DANA – Ý (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001911 ngày 27 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/03/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400605391.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông với mã chứng khoán DNY tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 11/05/2010 theo Quyết định số 245/QĐ-SGDHN ngày 28/04/2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ: 269.995.170.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015: 269.995.170.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường số 11B, KCN Thanh Vinh, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511.3841182 - 3841000
- Fax: (84) 0511.3730718
- Website: www.thepdana-y.com
- Email: dny@thepdanang-y.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất sắt, thép, gang: sản xuất các loại thép xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: bán buôn sắt thép;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đâu vào đâu: bán buôn vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại: gia công cơ khí.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2015 là 933 người. Trong đó cán bộ quản lý là 72 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

uản trị

ıỳnh Văn Tân	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2013
ıng Thanh Bình	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2013

Optimized using trial version www.balesio.com

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2013
• Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2013
• Ông Phan Xuân Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2013

Ban Kiểm soát

• Bà Huỳnh Thị Loan	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2013
• Ông Huỳnh Duy Cường	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2013
• Bà Phạm Thị Thu Sương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2013

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Huỳnh Văn Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2013
• Ông Hồ Nghĩa Tín	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2013
• Bà Phan Thị Thảo Sương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/03/2008
• Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/09/2014
• Bà Trần Mai Thị Bé Liệu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/03/2008

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Huỳnh Văn Tân

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Optimized using trial version www.balesio.com

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số:372/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thép DANA - Ý

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép DANA - Ý (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23/03/2016, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

ang Tú – Phó Tổng Giám đốc
N ĐKHN kiểm toán:1031-2013-010-1
ngày 25 tháng 03 năm 2016

Lê Vĩnh Hà – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:1216-2013-010-1

Optimized using
trial version
www.balesio.com

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.422.054.337.035**	**1.082.776.029.595**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**24.523.263.314**	**15.797.774.230**
1. Tiền	111		22.146.379.981	6.625.760.670
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.376.883.333	9.172.013.560
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**2.000.000.000**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**204.461.326.426**	**167.831.653.788**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	183.022.501.765	125.991.778.792
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	15.840.721.336	40.018.225.073
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9a	5.598.103.325	2.743.727.923
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(922.078.000)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**1.157.951.386.099**	**886.750.105.125**
1. Hàng tồn kho	141		1.157.951.386.099	886.750.105.125
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**33.118.361.196**	**12.396.496.452**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11a	1.826.293.894	2.873.334.202
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.072.336.023	9.245.264.604
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18b	219.731.279	277.897.646
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.048.174.891.342**	**1.043.205.555.978**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**718.200.422.853**	**819.604.465.089**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	650.230.862.907	751.629.405.143
- Nguyên giá	*222*		*1.124.110.587.785*	*1.098.225.697.399*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(473.879.724.878)*	*(346.596.292.256)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	67.969.559.946	67.975.059.946
- Nguyên giá	*228*		*68.036.929.059*	*68.036.929.059*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(67.369.113)*	*(61.869.113)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**325.437.827.533**	**216.025.198.574**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	325.437.827.533	216.025.198.574
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**1.600.000.000**	**1.600.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
...o công ty liên doanh, liên kết	252	15	1.600.000.000	1.600.000.000
...ài hạn khác	**260**		**2.936.640.956**	**5.975.892.315**
...i trước dài hạn	261	11b	2.936.640.956	5.975.892.315
...uế thu nhập hoãn lại	262		-	-
...ỘNG TÀI SẢN	**270**		**2.470.229.228.377**	**2.125.981.585.573**

Optimized using trial version www.balesio.com

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.113.177.420.295**	**1.763.471.188.582**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.407.339.200.470**	**1.055.898.778.294**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16a	628.407.422.560	294.952.330.255
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	6.437.914.286	2.502.168.881
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18a	6.319.826.055	4.642.986.253
4. Phải trả người lao động	314		9.188.208.951	5.820.106.833
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.002.521.891	928.292.001
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20a	5.647.175.446	8.601.605.747
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21a	750.108.443.074	738.451.288.324
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		227.688.207	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**705.838.219.825**	**707.572.410.288**
1. Phải trả dài hạn khác	337	20b	25.000.000.000	38.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21b	680.838.219.825	669.572.410.288
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**357.051.808.082**	**362.510.396.991**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**22**	**357.051.808.082**	**362.510.396.991**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	269.995.170.000	269.995.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		269.995.170.000	269.995.170.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	20.600	20.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	19.889.906.190	19.889.906.190
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22	3.099.331.084	3.099.331.084
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	64.067.380.208	69.525.969.117
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		55.798.522.410	63.972.204.965
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.268.857.798	5.553.764.152
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**2.470.229.228.377**	**2.125.981.585.573**

Chủ tịch HĐQT	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Huỳnh Văn Tân	Trần Mai Thị Bé Liệu	Trần Mai Thị Bé Liệu

ngày 23 tháng 03 năm 2016

Optimized using trial version www.balesio.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1.	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	1.723.948.694.794	1.878.405.531.267
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	174.836.461	7.433.967.184
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.723.773.858.333	1.870.971.564.083
4.	Giá vốn hàng bán	11	26	1.629.656.393.302	1.762.030.001.806
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ**	**20**		**94.117.465.031**	**108.941.562.277**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	9.583.773.777	5.685.173.614
7.	Chi phí tài chính	22	28	66.894.613.384	73.521.989.881
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*53.223.540.999*	*65.125.880.062*
8.	Chi phí bán hàng	25	29	15.016.159.520	16.508.654.562
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	15.304.095.610	20.074.015.731
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**6.486.370.294**	**4.522.075.717**
11.	Thu nhập khác	31	30	5.420.061.123	5.621.589.379
12.	Chi phí khác	32	31	1.252.411.911	3.009.475.649
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**4.167.649.212**	**2.612.113.730**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**10.654.019.506**	**7.134.189.447**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.385.161.708	1.580.425.295
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**8.268.857.798**	**5.553.764.152**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	306	197
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	306	197

Chủ tịch HĐQT	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Huỳnh Văn Tân	Trần Mai Thị Bé Liệu	Trần Mai Thị Bé Liệu

ngày 23 tháng 03 năm 2016

Optimized using trial version www.balesio.com

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	**01**		**10.654.019.506**	**7.134.189.447**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**				
-	Khấu hao Tài sản cố định	02	12, 13	127.557.114.441	137.819.997.901
-	Các khoản dự phòng	03		(922.078.000)	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		804.334.239	(11.751.332)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	27, 31	(633.086.811)	174.947.048
-	Chi phí lãi vay	06	28	53.223.540.999	65.125.880.062
3.	**Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động**	**08**		**190.683.844.374**	**210.243.263.126**
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(56.824.681.317)	19.127.173.155
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(271.201.280.974)	(67.196.433.643)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		330.436.630.126	(359.908.091.373)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.086.291.667	4.078.363.112
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(53.149.311.109)	(64.787.153.329)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(904.247.680)	(3.788.280.015)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.267.320.098
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(3.064.566.515)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**143.127.245.087**	**(264.028.405.384)**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(142.781.992.821)	(199.251.976.844)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		545.454.546	409.090.909
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27	411.710.710	954.209.836
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(143.824.827.565)**	**(197.888.676.099)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ đi vay	33		1.786.876.095.396	2.146.381.103.637
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.763.953.131.109)	(1.668.532.187.764)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.499.892.725)	(13.537.806.125)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**9.423.071.562**	**464.311.109.748**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5	**8.725.489.084**	**2.394.028.265**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.797.774.230	13.403.745.965
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	**24.523.263.314**	**15.797.774.230**

Chủ tịch HĐQT	Kế toán trưởng	Người lập biểu
ăn Tân	Trần Mai Thị Bé Liệu	Trần Mai Thị Bé Liệu

ngày 23 tháng 03 năm 2016

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thép DANA – Ý (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001911 ngày 27 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/03/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400605391.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông với mã chứng khoán DNY tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 11/05/2010 theo Quyết định số 245/QĐ-SGDHN ngày 28/04/2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ: 269.995.170.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sắt, thép, gang: sản xuất các loại thép xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: bán buôn sắt thép;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đâu vào đâu: bán buôn vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại: gia công cơ khí.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán
h nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-
ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày
1/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được
ty áp dụng phi hồi tố.

ài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 39)
đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính
hông tư 200.

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua

'hải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch nua bán, nội bộ.

khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng : trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng : chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

sản cố định vô hình

uyên giá

sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	5

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

hải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có nh chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty

hải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch ıua bán, nội bộ.

khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

i nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết ıh của Đại hội đồng cổ đông.

tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các ɔản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền khả năng chi trả cổ tức.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán) người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá ng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gởi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm thép; Các sản phẩm khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

c bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ı hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	14.147.102.956	24.144.061
Tiền gửi ngân hàng	7.999.277.025	6.601.616.609
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 1 tháng)	2.376.883.333	9.172.013.560
Cộng	**24.523.263.314**	**15.797.774.230**

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	2.000.000.000	-	-	-
Cộng	**2.000.000.000**	**-**	**-**	**-**

Tại ngày 31/12/2015, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

7. Phải thu khách hàng

a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	44.830.152.540	27.469.334.991
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	46.063.044.375	-
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	41.368.801.760	-
Công ty TNHH TM DV Tứ Hưng	26.690.494.845	28.589.295.502
Công ty TNHH Tấn Quốc	10.643.888.500	3.197.268.000
Các đối tượng khác	13.426.119.745	66.735.880.299
Cộng	**183.022.501.765**	**125.991.778.792**

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	Công ty đầu tư	46.063.044.375	-
Cổ phần Kết cấu thép BMF	Chung C.ty đầu tư	44.830.152.540	27.469.334.991
		44.830.152.540	**27.469.334.991**

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Ban giải tỏa đền bù các dự án ĐTXD số 1 Đà Nẵng	12.779.865.570	12.779.865.570
Các đối tượng khác	3.060.855.766	27.238.359.503
Cộng	**15.840.721.336**	**40.018.225.073**

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Kết cấu thép BMF	4.282.668.819	-	2.381.809.200	-
Tạm ứng	206.758.093	-	123.911.710	-
Lãi dự thu	55.356.858	-	11.253.485	-
Phải thu khác	1.053.319.555	-	226.753.528	-
Cộng	**5.598.103.325**	**-**	**2.743.727.923**	**-**

b. Phải thu khác là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Phải thu ngắn hạn			
Công ty CP Kết cấu thép BMF	Chung C.ty đầu tư	4.282.668.819	2.381.809.200
Cộng		**4.282.668.819**	**2.381.809.200**

10. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	26.503.649.731	-	2.602.635.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	695.847.801.766	-	353.016.272.709	-
Công cụ, dụng cụ	17.706.774.679	-	11.560.226.103	-
Thành phẩm	417.893.159.923	-	519.570.971.313	-
	1.157.951.386.099	**-**	**886.750.105.125**	**-**

hàng tồn kho tại ngày 31/12/2015 được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Pano quảng cáo	50.580.739	82.840.483
Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người	316.379.740	379.371.213
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.459.333.415	2.411.122.506
Cộng	**1.826.293.894**	**2.873.334.202**

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Bình chứa khí Oxy	150.814.996	754.075.000
Vòng đồng cảm ứng lò 30T thay thế cho lò luyện phôi 2	673.717.759	605.467.833
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.112.108.201	4.616.349.482
Cộng	**2.936.640.956**	**5.975.892.315**

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	222.486.338.111	785.771.529.646	84.320.406.477	5.647.423.165	1.098.225.697.399
Mua sắm trong kỳ	-	23.545.569.154	2.032.499.564	49.027.273	25.627.095.991
Đ/tư XDCB h/thành	894.158.032	-	-	-	894.158.032
T/lý, nhượng bán	-	-	636.363.637	-	636.363.637
Số cuối kỳ	**223.380.496.143**	**809.317.098.800**	**85.716.542.404**	**5.696.450.438**	**1.124.110.587.785**
Khấu hao					
Số đầu kỳ	37.369.894.243	274.005.022.817	32.530.854.923	2.690.520.273	346.596.292.256
Phân loại lại	(180.892)	227.459.378	(786.359)	(226.492.127)	-
Khấu hao trong kỳ	10.580.469.189	103.914.016.638	12.514.668.436	542.460.178	127.551.614.441
T/lý, nhượng bán	-	-	268.181.819	-	268.181.819
Số cuối kỳ	**47.950.182.540**	**378.146.498.833**	**44.776.555.181**	**3.006.488.324**	**473.879.724.878**
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	185.116.443.868	511.766.506.829	51.789.551.554	2.956.902.892	751.629.405.143
Số cuối kỳ	**175.430.313.603**	**431.170.599.967**	**40.939.987.223**	**2.689.962.114**	**650.230.862.907**

trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 643.249.977.864 đồng .

yên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 20.213.763.370 ₫.

ng có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.

ng có cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất(*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	67.966.074.059	70.855.000	68.036.929.059
Tăng trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	**67.966.074.059**	**70.855.000**	**68.036.929.059**
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	61.869.113	61.869.113
Khấu hao trong kỳ	-	5.500.000	5.500.000
Thanh lý, nhượng bán		-	-
Số cuối kỳ	-	**67.369.113**	**67.369.113**
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	67.966.074.059	8.985.887	67.975.059.946
Số cuối kỳ	**67.966.074.059**	**3.485.887**	**67.969.559.946**

(*) Đây là các quyền sử dụng đất lâu dài tại Khu công nghiệp Thanh Vinh và Cụm công nghiệp Thanh Vinh mở rộng. Toàn bộ các quyền sử dụng đất trên đã được Công ty thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và trung hạn tại ngân hàng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 40.855.000 đồng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
Xây dựng Nhà máy cán 3	323.610.376.279	200.127.458.280
Xây dựng Xưởng cán 1	-	14.936.513.404
Xây dựng nhà nghỉ công nhân	-	236.874.553
Mua sắm tài sản cố định	1.708.614.438	629.367.272
Xây dựng cơ bản khác	118.836.816	94.985.065
Cộng	**325.437.827.533**	**216.025.198.574**

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2015 Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	01/01/2015 Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Cty liên kết				1.600.000.000	-		1.600.000.000	-	
- Công ty CP Vận tải PST Đà Nẵng	Đang hoạt động	20%	20%	1.600.000.000	-		1.600.000.000	-	
Cộng				**1.600.000.000**	**-**		**1.600.000.000**	**-**	

Công ty đã nhận được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng với kết quả kinh doanh lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

Do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	236.789.780.220	125.923.160.655
Công ty CP Kim Khí Miền Trung	74.447.342.985	-
Jaguar Steel & Coal PTE.TD.	43.682.195.201	-
H&C S Holding PTE. LTD.	29.476.885.625	-
Các đối tượng khác	244.011.218.529	169.029.169.600
Cộng	**628.407.422.560**	**294.952.330.255**

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	Công ty đầu tư	236.789.780.220	125.923.160.655
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	Chung C.ty đầu tư	5.527.476.717	-
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	Công ty liên kết	5.203.332.964	2.790.710.764
Cộng		**247.520.589.901**	**128.713.871.419**

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH TM & DV Lập Thịnh	2.039.636.388	-
Doanh nghiệp tư nhân TM & DV Mỹ Chi	1.296.503.579	655.503.153
Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung	1.420.238.345	-
Công ty Cổ phần SOLIDS Ánh Minh	1.109.683.405	1.535.952.385
Các đối tượng khác	571.852.569	310.713.343
Cộng	**6.437.914.286**	**2.502.168.881**

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
ẩu	-	497.621.462	497.621.462	-
hàng nhập khẩu	3.738.738.573	68.061.067.559	67.865.141.785	3.934.664.347
ập doanh nghiệp	904.247.680	2.385.161.708	904.247.680	2.385.161.708
	4.642.986.253	**70.943.850.729**	**69.267.010.927**	**6.319.826.055**

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Phải thu

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập cá nhân	277.897.646	460.557.892	402.391.525	219.731.279
Cộng	**277.897.646**	**460.557.892**	**402.391.525**	**219.731.279**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Trích trước lãi vay	1.002.521.891	928.292.001
Cộng	**1.002.521.891**	**928.292.001**

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	1.024.830	318.725.280
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.027.390.317	579.852.201
Các khoản phải trả khác	4.618.760.299	7.703.028.266
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	*295.943.335*	*5.726.613.067*
- Phải trả cổ tức	*235.475*	*369.700*
- Công đoàn Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý	*1.350.190.336*	*1.086.225.809*
- Phải trả khác	*2.972.391.153*	*889.819.690*
Cộng	**5.647.175.446**	**8.601.605.747**

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Ký quỹ dài hạn thực hiện hợp đồng đại lý	25.000.000.000	38.000.000.000
+ Công ty TNHH TM & DV Xuân Tiến	*25.000.000.000*	*38.000.000.000*
Cộng	**25.000.000.000**	**38.000.000.000**

c. Phải trả khác là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
ngắn hạn			
Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	Công ty đầu tư	295.943.335	5.726.613.067
		295.943.335	**5.726.613.067**

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	**676.075.688.325**	**1.637.505.975.001**	**1.594.064.420.250**	**719.517.243.076**
Vay ngắn hạn bằng USD				
Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Đà Nẵng	59.834.227.455	1.066.807.776	60.901.035.231	-
Ngân hàng Đầu tư & PT VN - CN Hải Vân	52.357.707.576	306.780.144	52.664.487.720	-
Vay ngắn hạn bằng VND				
Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Đà Nẵng	317.305.066.268	382.726.021.828	411.485.958.718	288.545.129.378
Ngân hàng Công thương VN- CN Đà Nẵng	43.683.553.782	282.523.857.167	276.219.137.025	49.988.273.924
Ngân hàng Đầu tư & PT VN - CN Hải Vân	128.343.614.953	541.019.129.340	487.911.206.523	181.451.537.770
Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Đà Nẵng	24.576.530.610	155.374.022.798	111.562.675.785	68.387.877.623
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN ĐN	49.974.987.681	186.682.601.548	186.689.771.308	49.967.817.921
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN ĐN	-	32.898.845.527	2.900.000.000	29.998.845.527
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Trung Việt	-	54.907.908.873	3.730.147.940	51.177.760.933
Nợ dài hạn đến hạn trả	**62.375.599.999**	**36.276.800.000**	**68.061.200.001**	**30.591.199.998**
Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Đà Nẵng	25.999.999.999	27.650.000.000	28.810.000.001	24.839.999.998
Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Đà Nẵng	2.875.600.000	8.626.800.000	5.751.200.000	5.751.200.000
Các ngân hàng đồng tài trợ				
+ Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Đà Nẵng	9.172.600.000	-	9.172.600.000	-
+ Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Hải Châu	5.982.800.000	-	5.982.800.000	-
+ Ngân hàng Công thương VN - CN Đà Nẵng	9.172.600.000	-	9.172.600.000	-
+ Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex - CN ĐN	4.586.000.000	-	4.586.000.000	-
+ Ngân hàng Phát triển nhà HCM - CN ĐN	4.586.000.000	-	4.586.000.000	-
Cộng	**738.451.288.324**	**1.673.782.775.001**	**1.662.125.620.251**	**750.108.443.074**

b. Vay dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	**731.948.010.287**	**149.370.120.395**	**169.888.710.859**	**711.429.419.823**
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi (i)	51.825.149.414	-	-	51.825.149.414
Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Đà Nẵng (ii)	128.799.028.846	-	28.810.000.001	99.989.028.845
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đà Nẵng (iii)	18.691.400.000	-	5.751.200.000	12.940.200.000
Vay dài hạn của các cá nhân (iv)				
+ Ông Huỳnh Văn Tân	182.548.903.000	41.278.000.000	62.596.106.600	161.230.796.400
+ Bà Phan Thị Thảo Sương	234.688.734.769	63.629.770.395	35.031.404.258	263.287.100.906
+ Ông Hồ Nghĩa Tín	25.887.204.258	9.824.000.000	2.000.000.000	33.711.204.258
+ Ông Phan Xuân Thiện	56.007.590.000	34.638.350.000	2.200.000.000	88.445.940.000
Các ngân hàng đồng tài trợ				
+ Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Đà Nẵng	9.172.600.000	-	9.172.600.000	-
+ Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Hải Châu	5.982.800.000	-	5.982.800.000	-
+ Ngân hàng Công thương VN - CN Đà Nẵng	9.172.600.000	-	9.172.600.000	-
+ Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex - CN ĐN	4.586.000.000	-	4.586.000.000	-
+ Ngân hàng Phát triển nhà HCM - CN ĐN	4.586.000.000	-	4.586.000.000	-
Cộng	**731.948.010.287**	**149.370.120.395**	**169.888.710.859**	**711.429.419.823**
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	62.375.599.999			30.591.199.998
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**669.572.410.288**			**680.838.219.825**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi - cổ đông sáng lập của Công ty trong thời gian 36 tháng kể từ ngày
háng 04 năm 2011. Ngày 10/02/2014, hai bên đã ký phụ lục hợp đồng số PL100411-01/PLHĐTD gia
hời gian trả nợ bắt đầu từ ngày 01 tháng 03 năm 2017. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn
ùng thời điểm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố
Nẵng. Lãi vay được trả vào ngày cuối cùng của tháng tính theo dư nợ thực tế đến ngày trả nợ. Khoản vay
g có tài sản đảm bảo.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(ii) Vay Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD_DNY ngày 12/09/2013 nhằm cơ cấu lại nợ từ nguồn vốn ngắn hạn sang dài hạn để phục vụ mở rộng dự án dây chuyền luyện cán thép công suất 200.000 tấn/năm với hạn mức vay là 155 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 12%/năm và được điều chỉnh theo quy định hiện hành về lãi suất cho vay của Agribank Việt Nam và Giám đốc Agribank Chi nhánh Đà Nẵng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: nhà xưởng, máy móc thiết bị của Nhà máy luyện thép công suất 250.000 tấn/năm.

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số DAN.DN.03.050612/TT ngày 08/06/2012 nhằm bổ sung, bù đắp thiếu hụt vốn khi đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm với hạn mức vay là 50 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 72 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày 08/06/2013. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; đồng thời khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất theo quy định của hợp đồng này/ khế ước nhận nợ, trường hợp lãi suất trong hạn sau khi điều chỉnh thấp hơn lãi suất tối thiểu do ACB quy định trong từng thời kỳ thì lãi suất trong hạn được áp dụng là lãi suất tối thiểu tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng các lô đất số B15, B16, B17, B18 tại Khu công nghiệp Thanh Vinh và một số máy móc thiết bị theo hợp đồng số DAN.BDDN.03.050612/TT.

(iv) Khoản vay dài hạn từ ông Huỳnh Văn Tân, bà Phan Thị Thảo Sương, ông Hồ Nghĩa Tín và ông Phan Xuân Thiện nhằm huy động vốn bổ sung cho dự án đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 71/2011/BB-HĐQT ngày 10 tháng 8 năm 2011; Biên bản số 98/2012/BB-HĐQT ngày 02 tháng 02 năm 2012; Biên bản số 80/2012/BB-HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2012; Biên bản số 100/2012/BB-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2012; Biên bản số 05/2013/BB-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2013; Biên bản làm việc ngày 01/07/2014 và 31/12/2014.

Theo nội dung thống nhất giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị tại các biên bản trên, để giảm áp lực về lãi vay trong giai đoạn đầu tư cho Dự án, Hội đồng quản trị đồng ý gia hạn thời gian trả nợ đối với toàn bộ số dư tiền vay bắt đầu từ tháng 01 năm 2018 và không tính lãi đối với số dư nợ vay đến hết 31/12/2015. Đồng thời, Công ty được phép luân chuyển trả nợ cho khoản vay này khi có nguồn thu và vay lại khi có nhu cầu.

c. Vay và nợ thuê tài chính với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	Công ty đầu tư	51.825.149.414	51.825.149.414
Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	161.230.796.400	182.548.903.000
Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT	263.287.100.906	234.688.734.769
Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên HĐQT	33.711.204.258	25.887.204.258
Ông Phan Xuân Thiện	Thành viên HĐQT	88.445.940.000	56.007.590.000
Cộng		**598.500.190.978**	**550.957.581.441**

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	**269.995.170.000**	**20.600**	**19.889.906.190**	**3.099.331.084**	**78.194.353.201**
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	5.553.764.152
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	14.222.148.236
Số dư tại 31/12/2014	**269.995.170.000**	**20.600**	**19.889.906.190**	**3.099.331.084**	**69.525.969.117**
Số dư tại 01/01/2015	**269.995.170.000**	**20.600**	**19.889.906.190**	**3.099.331.084**	**69.525.969.117**
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	8.268.857.798
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	13.727.446.707
Số dư tại 31/12/2015	**269.995.170.000**	**20.600**	**19.889.906.190**	**3.099.331.084**	**64.067.380.208**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	108.539.990.000	108.539.990.000
Ông Huỳnh Văn Tân	13.499.990.000	13.499.990.000
Ông Đặng Thanh Bình	874.790.000	874.790.000
Ông Hồ Nghĩa Tín	3.239.990.000	3.239.990.000
Bà Phan Thị Thảo Sương	43.334.990.000	43.334.990.000
Ông Nguyễn Hữu Toàn	1.619.990.000	1.619.990.000
Ông Phan Xuân Thiện	161.990.000	161.990.000
Các cổ đông khác	98.723.440.000	98.723.440.000
Cộng	**269.995.170.000**	**269.995.170.000**

c. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.999.517	26.999.517
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.999.517	26.999.517
- Cổ phiếu phổ thông	*26.999.517*	*26.999.517*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
hiếu phổ thông	-	-
hiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
ng cổ phiếu đang lưu hành	26.999.517	26.999.517
hiếu phổ thông	*26.999.517*	*26.999.517*
hiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

iá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 26/04/2015 đã quyết định trả cổ tức năm 2014 bằng tiền với tỷ lệ 5%/vốn điều lệ (tương ứng 13.499.758.500 đồng). Công ty đã thông báo ngày chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức là 18/06/2015 và thực hiện chi trả trong tháng 07 năm 2015.

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	69.525.969.117	78.194.353.201
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	8.268.857.798	5.553.764.152
Phân phối lợi nhuận	13.727.446.707	14.222.148.236
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	13.727.446.707	14.222.148.236
- Trích quỹ KTPL, quỹ thưởng Ban điều hành	*227.688.207*	*722.555.511*
- Trả cổ tức bằng tiền	*13.499.758.500*	*13.499.592.725*
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	**64.067.380.208**	**69.525.969.117**

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 315/2015/NQHĐQT ngày 26 tháng 04 năm 2015.

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ (USD)	15.296,36	838,53

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty TNHH Việt Phú	922.078.000	Không còn khả năng thu hồi

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán thành phẩm	1.711.261.191.694	1.872.187.278.067
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.687.503.100	6.218.253.200
	1.723.948.694.794	**1.878.405.531.267**

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Hàng bán bị trả lại	174.836.461	7.433.967.184
Cộng	**174.836.461**	**7.433.967.184**

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.623.288.191.766	1.761.187.183.647
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.368.201.536	842.818.159
Cộng	**1.629.656.393.302**	**1.762.030.001.806**

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	295.814.083	799.527.387
Cổ tức, lợi nhuận được chia	160.000.000	160.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	73.465.627	668.487.265
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	-	11.751.332
Lãi bán hàng trả chậm, lãi ứng trước tiền hàng	9.054.494.067	4.045.407.630
Cộng	**9.583.773.777**	**5.685.173.614**

28. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	53.223.540.999	65.125.880.062
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	1.123.770.764
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	12.864.420.189	7.272.339.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	804.334.239	-
Chi phí tài chính khác	2.317.957	-
Cộng	**66.894.613.384**	**73.521.989.881**

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Phí sử dụng thương hiệu	9.625.000.000	11.045.000.000
Chi phí khác	5.391.159.520	5.463.654.562
Cộng	**15.016.159.520**	**16.508.654.562**

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Phí thanh toán (phí mở LC, phí chuyển tiền..)	4.058.348.773	5.681.300.332
Tiền lương	8.664.604.053	9.155.172.423
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.742.314.849	2.014.050.842
Các khoản khác	838.827.935	3.223.492.134
Cộng	**15.304.095.610**	**20.074.015.731**

30. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	177.272.728	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	4.735.302.112	4.519.651.093
Thu tiền thưởng giải phóng tàu nhanh	489.375.000	-
Thu nhập từ bảo hiểm đền bù	-	985.150.128
Các khoản khác	18.111.283	116.788.158
Cộng	**5.420.061.123**	**5.621.589.379**

31. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Lỗ do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.134.474.435
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	1.009.500	72.800.000
Năng suất giải phóng tàu	384.008.820	51.104.895
Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	860.778.471	-
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	-	82.148.762
ờng hàng không đạt chất lượng	-	400.000.000
sửa chữa tài sản được bảo hiểm	-	1.268.947.557
ản khác	6.615.120	-
	1.252.411.911	**3.009.475.649**

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.654.019.506	7.134.189.447
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	187.624.620	49.561.896
Điều chỉnh tăng	187.624.620	209.561.896
- Thù lao HĐQT, BKS	*120.000.000*	*93.000.000*
- Chi phí khác	*67.624.620*	*116.561.896*
Điều chỉnh giảm	-	160.000.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	160.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	10.841.644.126	7.183.751.343
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**2.385.161.708**	**1.580.425.295**

33. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.268.857.798	5.553.764.152
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(227.688.207)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	227.688.207
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.268.857.798	5.326.075.945
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	26.999.517	26.999.517
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	**306**	**197**

(*) Điều lệ, Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2015 của Công ty không quy định mức trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi kế hoạch cho năm 2015; Do đó, chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2015 chưa loại trừ số liệu quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến trích lập.

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.210.688.115.486	1.765.418.967.875
Chi phí nhân công	82.675.428.660	67.503.420.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.557.114.441	137.819.997.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.706.893.481	70.078.698.962
Chi phí khác bằng tiền	21.584.993.307	23.364.014.414
	1.554.212.545.375	**2.064.185.099.795**

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất thép và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

36. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá nguyên liệu.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua hàng, bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

		31/12/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính			
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	15.296,36	838,53
phải trả tài chính			
ay và nợ ngắn hạn	USD	-	5.280.614,47
ải trả người bán	USD	12.089.279,55	6.568.374,02
	EUR	-	5.108,70

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ký hợp đồng mua hàng với các nhà cung cấp lớn, uy tín, chủ động theo dõi thị trường để nắm bắt tình hình biến động, từ đó đưa ra các quyết sách để kiểm soát được ảnh hưởng bởi biến động giá nguyên vật liệu đầu vào..

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tài chính là một số khoản nợ phải thu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng chính sách quản lý công nợ chặt chẽ, thường xuyên đôn đốc công tác thu hồi nợ. Đối với các khách hàng mới, Công ty yêu cầu ứng trước 70 - 100% giá trị đơn hàng mới xuất hàng. Đối với các khách hàng cũ, Công ty yêu cầu thanh toán hết công nợ cũ mới được mua đơn hàng mới. Do đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,…

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	628.407.422.560	-	628.407.422.560
Chi phí phải trả	1.002.521.891	-	1.002.521.891
Vay và nợ thuê tài chính	750.108.443.074	680.838.219.825	1.430.946.662.899
Phải trả khác	4.618.760.299	25.000.000.000	29.618.760.299
Cộng	**1.384.137.147.824**	**705.838.219.825**	**2.089.975.367.649**

01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	294.952.330.255	-	294.952.330.255
Chi phí phải trả	928.292.001	-	928.292.001
Vay và nợ thuê tài chính	738.451.288.324	669.572.410.288	1.408.023.698.612
Phải trả khác	7.703.028.266	38.000.000.000	45.703.028.266
			-
Cộng	**1.042.034.938.846**	**707.572.410.288**	**1.749.607.349.134**

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức cao ... tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền cũng như nhận được sự hỗ trợ của các cổ ... lớn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.523.263.314	-	24.523.263.314
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	183.022.501.765	-	183.022.501.765
Phải thu khác	5.391.345.232	-	5.391.345.232
Cộng	**214.937.110.311**	**-**	**214.937.110.311**

01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.797.774.230	-	15.797.774.230
Phải thu khách hàng	125.069.700.792	-	125.069.700.792
Phải thu khác	2.619.816.213	-	2.619.816.213
Cộng	**143.487.291.235**	**-**	**143.487.291.235**

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Quảng cáo Sáng tạo Việt	Chung Công ty đầu tư
Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch HĐQT
Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT
Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên HĐQT
Ông Phan Xuân Thiện	Thành viên HĐQT

Optimized using
trial version
www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Năm 2015	Năm 2014
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	653.274.806.899	525.088.530.039
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	24.722.045.825	15.552.591.739
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	131.682.549.763	189.245.884.466
Công ty Cổ phần Quảng cáo Sáng tạo Việt	692.157.825	320.072.628
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	192.346.249.126	167.027.090.610
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	59.631.017.096	134.928.388.120
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	126.500.000	
Vay và nợ dài hạn		
Ông Huỳnh Văn Tân	41.278.000.000	35.756.500.000
Bà Phan Thị Thảo Sương	63.629.770.395	74.796.802.727
Ông Hồ Nghĩa Tín	9.824.000.000	1.780.000.000
Ông Phan Xuân Thiện	34.638.350.000	18.207.590.000
Trả gốc vay và nợ dài hạn		
Ông Huỳnh Văn Tân	62.596.106.600	11.868.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương	35.031.404.258	12.453.000.000
Ông Hồ Nghĩa Tín	2.000.000.000	-
Ông Phan Xuân Thiện	2.200.000.000	-
Lãi vay phát sinh		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	4.863.758.236	6.138.376.836
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	160.000.000	160.000.000
Mượn tiền		
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	2.500.000.000	3.500.000.000
Ông Huỳnh Văn Tân	7.219.300.000	-
Ông Hồ Nghĩa Tín	3.210.000.000	-
Bà Phan Thị Thảo Sương	12.480.300.000	-
Ông Phan Xuân Thiện	3.605.000.000	6.079.000.000
Trả tiền		
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	2.500.000.000	-
Ông Huỳnh Văn Tân	7.248.820.000	-
Ông Hồ Nghĩa Tín	2.835.000.000	-
Bà Phan Thị Thảo Sương	12.478.350.000	-
Ông Phan Xuân Thiện	3.230.000.000	7.324.000.000
do ứng trước tiền hàng		
Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	4.730.644.231	-
Cổ phần Kết cấu thép BMF	4.282.668.819	-
ập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.108.800.000	1.087.400.000

Optimized using trial version www.balesio.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	01/01/2015 (trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn khác		2.743.727.923
Các khoản phải thu khác	2.619.816.213	
Tài sản ngắn hạn khác	123.911.710	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014	Năm 2014 (trình bày lại)
Thu nhập khác	6.030.680.288	5.621.589.379
Chi phí khác	3.418.566.558	3.009.475.649
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	206	197

Chủ tịch HĐQT	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Huỳnh Văn Tân	Trần Mai Thị Bé Liệu	Trần Mai Thị Bé Liệu

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 03 năm 2016

Optimized using trial version www.balesio.com

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 04 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Huỳnh Văn Tân